



CỤC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI
VIETNAM TRADE PROMOTION AGENCY

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC



Hà Nội, 2015

Mục lục

| | |
|--|-------------------------------------|
| I. Giới thiệu khái quát về thị trường Trung Quốc | 3 |
| 1. Thông tin cơ bản | 3 |
| 2. Điều kiện tự nhiên | 3 |
| 3. Khí hậu | 4 |
| 4. Xã hội | 4 |
| 5. Thể chế và cơ cấu hành chính | 5 |
| 5.1. Thể chế | 5 |
| 5.2. Cơ cấu hành chính | 5 |
| 6. Hệ thống pháp luật | 5 |
| 7. Lịch sử | 6 |
| 8. Văn hóa | 7 |
| 9. Giáo dục | 10 |
| 10. Ngày nghỉ, lễ tết | 10 |
| II. Tình hình phát triển kinh tế, thương mại và đầu tư | 12 |
| 1. Kinh tế | 12 |
| 1.1 Tổng quan tình hình kinh tế | 12 |
| 1.2 Các ngành kinh tế trọng điểm | 14 |
| Năng lượng và khoáng sản | 16 |
| 2. Thương mại | 17 |
| 3. Đầu tư | 18 |
| 4. Cơ sở hạ tầng kinh tế | 18 |
| 5. Quan hệ quốc tế | 20 |
| III. Quan hệ thương mại Việt Nam – Trung Quốc | 21 |
| 1. Quan hệ Ngoại giao | 21 |
| 2. Quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại | 23 |
| 3. Hợp tác đầu tư | 27 |
| IV. Một số mặt hàng tiềm năng của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc | Error! Bookmark not defined. |
| V. Một số điều cần biết khi kinh doanh với Trung Quốc | 30 |
| 1. Các quy định về xuất nhập khẩu | 30 |
| 1.1 Các mặt hàng cấm nhập khẩu | 30 |
| 1.2 Hạn chế nhập khẩu | 30 |
| 1.3 Chính sách quản lý Xuất Nhập khẩu bằng hạn ngạch | 31 |
| 1.4 Các mặt hàng cấm xuất khẩu | 32 |
| 1.5 Các mặt hàng hạn chế xuất khẩu | 32 |
| 1.6 Chứng từ nhập khẩu | 32 |
| 1.7 Giấy chứng nhận bắt buộc đối với một số sản phẩm | 33 |

| | |
|--|-----------|
| 1.8 Quản lý hàng hóa trong khu thương mại tự do..... | 34 |
| 1.9 Xuất nhập khẩu dược phẩm đặc biệt..... | 34 |
| 1.10 Theo dõi xuất nhập khẩu và các biện pháp tạm thời | 35 |
| 1.11 Xúc tiến mậu dịch đối ngoại | 36 |
| 1.12 Giám định và kiểm hóa hàng nhập khẩu..... | 36 |
| 1.13. Vệ sinh y tế tại Cảng, cửa khẩu | 38 |
| 2. Chính sách thuế và thuế suất..... | 38 |
| 2.1 Thuế nhập khẩu..... | 38 |
| 2.2 Trị giá tính thuế..... | 39 |
| 2.3 Hoàn thuế với các mặt hàng xuất khẩu..... | 39 |
| 2.3 Thuế VAT..... | 39 |
| 2.4 Hạn ngạch thuế quan | 40 |
| 3. Quy định về bao gói, nhãn mác | 41 |
| 4. Quy định về kiểm dịch động thực vật..... | 43 |
| 4.1 Hàng miễn kiểm dịch..... | 43 |
| 4.2 Hàng liên quan đến an toàn vệ sinh, bắt buộc kiểm dịch | 44 |
| 5. Chính sách chống phá giá | 44 |
| 6. Quy định về tiêu chuẩn đối với hàng hóa và dịch vụ | 44 |
| 7. Thành lập doanh nghiệp..... | 45 |
| 8. Văn hóa kinh doanh | 46 |
| VI. Địa chỉ hữu ích..... | 48 |

I. Giới thiệu khái quát về thị trường Trung Quốc

1. Thông tin cơ bản

Tên chính thức: Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (The People's Republic of China)

Tên thường gọi: Trung Quốc

Vị trí Địa lý: Nằm ở phần nửa phía Bắc của Đông bán cầu, phía Đông Nam của Đại lục Á - Âu, phía Đông và giữa Châu Á, phía Tây của Thái Bình Dương

Tọa độ địa lý: 35⁰⁰ Bắc, 105⁰⁰ Đông

Diện tích: 9.596.960 km²

Dân số: 1.367.485.388 (7/2015)

Thủ đô: Bắc Kinh

Ngôn ngữ chính thức: Tiếng Hán là tiếng phổ thông, lấy âm Bắc Kinh làm tiêu chuẩn

Đơn vị tiền tệ: Đồng nhân dân tệ (CNY)

Thế chế chính phủ: Hợp thức đa đảng dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung Quốc

Ngày quốc khánh: 01/10 (1949).

2. Điều kiện tự nhiên

Vị trí địa lý

Nằm ở phần nửa phía Bắc của Đông bán cầu, phía Đông Nam của Đại lục Á - Âu, phía Đông và giữa Châu Á, phía Tây của Thái Bình Dương.

Giáp giới: 14 nước

- Phía Bắc giáp: Nga (đông bắc) 4.133km và Mông Cổ 4.630 km
- Phía Tây giáp: Kazakhstan 1.765 km, Kyrgyzstan 1.063 km, Tajikistan 477 km
- Phía Tây Nam giáp: Afghanistan 91 km, Pakistan 438 km, Ấn Độ 2.659 km, Nepal 1.389 km, Butan 477 km
- Phía Nam giáp: Myanma 2.129 km, Lào 475 km, Việt Nam 1.297 km
- Phía Đông giáp: Triều Tiên 1.352 km.

Giáp biển: Đông Á, biển Đông Trung Quốc, Vịnh Hàn Quốc, biển Hoàng Hải và biển Việt Nam

Diện tích:

Tổng diện tích: 9.596.960 km²

Tổng diện tích đất: 9.326.410 km²

Diện tích mặt nước: 270.550 km²

Đường bờ biển: 14.500 km

Địa hình:

Chủ yếu là núi, cao nguyên, sa mạc ở phía tây; vùng đồng bằng, vùng đồng bằng, đồi núi ở phía đông.

Các điểm cực:

Điểm thấp nhất: Turpan Pendi -154 m

Điểm cao nhất: Đỉnh Everest 8.850 m

Các nguồn tài nguyên:

Trung Quốc có diện tích tương đối rộng lớn, nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào trong đó có các loại có trữ lượng giàu có như: than đá, quặng sắt, dầu mỏ, khí gas tự nhiên, thủy ngân, thiếc, vonfam, antimon, mangan, molibden, quặng sắt từ, vanadi, nhôm, chì, kẽm, uranium, năng lượng thủy điện. Nguồn nguyên liệu mỏ của Trung Quốc đứng hàng giàu có nhất thế giới nhưng chỉ phát triển được một phần có thể do Trung Quốc chưa tập trung khai thác thế mạnh này của mình mà tập trung vào việc sản xuất hàng công nghiệp nhẹ và hàng tiêu dùng.

3. Khí hậu

Thuộc khu vực gió mùa, khí hậu đa dạng từ ẩm đến khô. Nhiệt độ trung bình toàn quốc tháng 1 là -4,7⁰C, tháng 7 là hơn 30⁰C. Ba khu vực được coi là nóng nhất là Nam Kinh, Vũ Hán, Trùng Khánh.

4. Xã hội

Dân số

Tổng số dân: 1.367.485.388 người (7/2015)

Cơ cấu dân số:

- 0-14 tuổi: 17,08% (Nam 126.146.137/ Nữ 107.410.265)
- 15-24: 13,82% (Nam 100.380.703/ Nữ 88.615.299)
- 25-54 tuổi: 47,95% (Nam 334.240.795/ Nữ 321.417.301)
- 55-64: 11,14% (Nam 77.098.602/ Nữ 75.286.553)
- 65 tuổi trở lên: 10,01% (Nam 65.573.256/ Nữ 71.316.477)

Độ tuổi trung bình: 36,7 tuổi (Nam 35,8 tuổi/ Nữ: 37,5 tuổi)

Tốc độ tăng trưởng dân số: 0,45%

Tỷ lệ sinh: 12,49/1.000 dân

Tỷ lệ tử: 7,53/1.000 dân

Tỷ lệ di cư thuần: -0,44 nhập cư/1.000 người

Cơ cấu giới tính: 1,15 nam/nữ

Tuổi thọ trung bình: 75,41 tuổi (Nam 73,38 tuổi/ Nữ 77,73 tuổi)

Dân tộc:

Trung Quốc là một quốc gia có nhiều dân tộc. Dân tộc Hán là chủ yếu, ngoài ra còn có 55 dân tộc ít người gồm có: Hán Trung Quốc 91,6%, Choang 1,3%, khác (bao gồm Hồi, Mãn Châu, Duy Ngô Nhĩ, H'Mông, Di, Thổ Gia, Tây Tạng, Mông Cổ, Đông, Bồ Y, Dao, Bạch, Hàn Quốc, Hà Nhì, Lê, Cáp Táp Khắc, Thái, Xa, Cờ Lao, Đông Hương, Thủy, Va, Nạp Tây, Khương, Thổ, Mục Lão, Tích Bá, Nha Nhĩ Khắc Tư, Cao Sơn, Đạt Oát Nhĩ, Cảnh Pha, Mao Nam, Tát Lạp, Bồ Lãng, Tháp Cát Khắc, A Xương, Phở Mễ, Ngạc Ôn Khắc, Nộ, Kinh, Cơ Nặc, Đức Ngang, Bảo An, Ngam Dụ Cố, Ô Tư Biệt Khắc, Môn Ba, Ngạc Xuân Luân, Độc Long... và quốc tịch khác) 7,1 %

Tôn giáo:

- Phật giáo, Đạo giáo: khoảng 95%
- Thiên chúa giáo: 3 - 4%
- Đạo hồi: 1 - 2%

Ngôn ngữ:

Tiếng Hán là tiếng phổ thông, lấy âm Bắc Kinh làm tiêu chuẩn.

5. Thể chế và cơ cấu hành chính

5.1. Thể chế

Theo hiến pháp Trung Quốc, nước CHND Trung Hoa là một nước XHCN của nền chuyên chính nhân dân, do giai cấp công nhân lãnh đạo, lấy liên minh công nông làm nền tảng. Chế độ XHCN là chế độ cơ bản của Trung Quốc. Chuyên chính nhân dân là thể chế của nhà nước.

5.2. Cơ cấu hành chính

Cơ cấu Nhà nước bao gồm Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc (Quốc hội), Chủ tịch nước, Quốc Vụ viện, Hội nghị Chính trị Hiệp thương toàn quốc (tương tự Mặt trận tổ quốc của ta), Ủy ban Quân sự Trung ương, Đại hội Đại biểu Nhân dân và Chính phủ các cấp ở địa phương, Tòa án Nhân dân và Viện Kiểm sát Nhân dân.

Đảng Cộng sản Trung Quốc (là đảng cầm quyền) thành lập ngày 1-7-1921, hiện có 70,8 triệu Đảng viên. Bộ Chính trị có 25 người, trong đó có 9 Ủy viên thường vụ Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng có 8 người.

Ngoài Đảng Cộng sản Trung Quốc, còn có 8 Đảng phái khác, đều thừa nhận sự lãnh đạo của ĐCS trong khuôn khổ "hợp tác đa Đảng dưới sự lãnh đạo của ĐCS", bao gồm: Hội Cách mạng dân chủ, Liên minh dân chủ, Hội Kiến quốc dân chủ, Hội Xúc tiến dân chủ, Đảng Dân chủ Công nông, Đảng Chí công, Cứu tam học xã và Đồng minh Tự trị Dân chủ Đài Loan.

Lãnh đạo chủ chốt:

- Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc kiêm Chủ tịch nước CHND Trung Hoa, Chủ tịch Ủy ban Quân sự Trung ương ĐCS Trung Hoa, Chủ tịch Ủy ban Quân sự Trung ương Nhà nước Trung Hoa
- Thủ tướng Quốc Vụ viện CHND Trung Hoa
- Chủ tịch Quốc Hội (Ủy viên trưởng Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc nước CHND Trung Hoa)
- Chủ tịch Hội nghị Hiệp thương chính trị nhân dân toàn quốc nước CHND Trung Hoa
- Bộ trưởng Ngoại giao nước CHND Trung Hoa

6. Hệ thống pháp luật

Ở Trung Quốc, theo quy định của Hiến pháp năm 1982 (sửa đổi, bổ sung năm 1988, 1993, 1999, 2004) (Điều 57, 60 và 62), Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc (Quốc hội) là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, trực tiếp nắm giữ quyền sửa đổi Hiến pháp, giám sát việc thực

thi Hiến pháp, ban hành và sửa đổi các đạo luật cơ bản như luật hình sự, luật dân sự, luật tổ chức bộ máy nhà nước và một số luật cơ bản khác. Cơ quan này bao gồm các đại biểu được lựa chọn từ các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương và quân đội theo tỷ lệ pháp luật quy định với nhiệm kỳ 5 năm. Quốc hội có Ủy ban thường vụ. Theo quy định tại Điều 58 của Hiến pháp Trung Quốc, Quốc hội và Ủy ban thường vụ Quốc hội nắm quyền lập pháp. Ủy ban thường vụ Quốc hội cũng có quyền giải thích chính thức Hiến pháp và pháp luật. Quốc hội Trung Quốc mỗi năm chỉ họp thường kỳ một lần.

7. Lịch sử

Trung Quốc là một trong những cái nôi văn minh nhân loại sớm nhất. Văn minh Trung Quốc cũng là một trong số ít các nền văn minh, cùng với Luỡng Hà cổ (người Sumer), Ấn Độ (Văn minh lưu vực sông Ấn Độ), Maya, và Ai Cập Cổ đại, tự tạo ra chữ viết riêng. Người vượn Bắc Kinh xuất hiện cách đây 500.000 năm, là người nguyên thủy sống trên đất Trung Quốc. Trung Quốc đã trải qua các chế độ xã hội:

Công Xã nguyên thủy: người động Kim Sơn cách đây 10.000 năm, thời kỳ mẫu hệ.

Chế độ nô lệ: thời kỳ nhà Hạ (thế kỷ 21 – 16 trước công nguyên) và nhà Thương (thế kỷ 16 – 11 trước công nguyên)

Triều đại đầu tiên theo các tư liệu lịch sử Trung Quốc là nhà Hạ; tuy nhiên chưa có bằng chứng khảo cổ học kiểm chứng được sự tồn tại của triều đại này. Triều đại đầu tiên chắc chắn tồn tại là nhà Thương, định cư dọc theo lưu vực sông Hoàng Hà, vào khoảng thế kỷ 18 đến thế kỷ 12 TCN.

Chế độ phong kiến: bắt đầu từ Tây Chu (thế kỷ 11 trước công nguyên) đến chiến tranh thuốc phiện (1840):

Nhà Chu (thế kỷ 11 – 221 trước công nguyên) là thời phong kiến cát cứ;

Nhà Tần (221 – 106 trước công nguyên) lần đầu tiên thống nhất Trung Quốc, thiết lập nước phong kiến tập quyền trung ương;

Tần Thủy Hoàng đã thôn tằm tất cả các quốc gia và tự xưng là hoàng đế vào năm 221 TCN, lập ra nhà Tần, quốc gia Trung Quốc thống nhất về thể chế chính trị, chữ viết và có một ngôn ngữ chính thống đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc.

Nhà Tùy (581 – 618) thống nhất Trung Quốc lần thứ 2;

Nhà Đường (618-907): thời nhà Đường và nhà Tống, Trung Quốc đã đi vào thời hoàng kim của nó. Trong một thời gian dài, đặc biệt giữa thế kỷ thứ 7 và 14, Trung Quốc là một trong những nền văn minh tiên tiến nhất trên thế giới về kỹ thuật, văn chương, và nghệ thuật

Nhà Tống (916-1125): Nhà Tống cuối cùng bị rơi vào quân xâm lược Mông Cổ năm 1279. Vua Mông Cổ là Hốt Tất Liệt lập ra nhà Nguyên

Nhà Nguyên (1279-1368)

Nhà Minh (1368 – 1644) Chu Nguyên Chương đánh đuổi chính quyền người Mông Cổ năm 1368 và lập ra nhà Minh, kéo dài tới năm 1644 - xuất hiện công trường thủ công, là mầm mống tư bản chủ nghĩa;

Nhà Thanh (1644 - 1911). người Mãn Châu từ phía đông bắc kéo xuống lật đổ nhà Minh, lập ra nhà Thanh, kéo dài đến vị vua cuối cùng là Phổ Nghi thoái vị vào năm 1911.

Chế độ nửa phong kiến, nửa thuộc địa: bắt đầu từ sau chiến tranh thuốc phiện 1840 cho đến trước khi thành lập nước CHND Trung Hoa năm 1949.

Trung Hoa dân quốc (1912 – 1949)

Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (1-10-1949).

Chủ tịch Trung Quốc Mao Trạch Đông tuyên bố thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ngày 1 tháng 10, 1949.

Năm 1912, sau một thời gian dài suy sụp, chế độ phong kiến Trung Quốc cuối cùng sụp đổ hẳn và Tôn Trung Sơn thuộc Quốc Dân Đảng thành lập Trung Hoa Dân Quốc (THDQ). Ba thập kỷ sau đó là giai đoạn không thống nhất — thời kỳ Quân phiệt cát cứ, Chiến tranh Trung-Nhật, và Nội chiến Trung Quốc. Nội chiến Trung Quốc chấm dứt vào năm 1949 và Đảng Cộng sản Trung Quốc nắm được đại lục Trung Quốc. ĐCSAQ lập ra một nhà nước cộng sản—nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (CHNDTH)— tự xem là nhà nước kế tục của Trung Hoa Dân Quốc. Trong khi đó, chính quyền THDQ do Tưởng Giới Thạch lãnh đạo thì rút ra đảo Đài Loan, nơi mà họ tiếp tục được khối phương Tây và Liên Hiệp Quốc công nhận là chính quyền hợp pháp của toàn Trung Quốc mãi tới những năm 1970, sau đó hầu hết các nước và Liên Hiệp Quốc chuyển sang công nhận CHNDTH.

Vương quốc Anh và Bồ Đào Nha, đã lần lượt trao trả hai nhượng địa là Hồng Kông và Ma Cao ở bờ biển phía nam về cho Cộng hòa nhân dân Trung Hoa vào 1997 và 1999. Trung Quốc ngày nay thường chỉ lãnh thổ của CHNDTH, hay "Đại lục Trung Quốc", mà không tính Hồng Kông và Ma Cao.

CHNDTH và THDQ (từ năm 1949 đến nay) không công nhận ngoại giao lẫn nhau, vì hai bên đều tự cho là chính quyền kế tục hợp pháp của THDQ (thời Tôn Trung Sơn) bao gồm cả Đại lục và Đài Loan, CHNDTH liên tục phản đối những người theo phong trào đòi độc lập cho Đài Loan. Những tranh cãi chủ yếu xoay quanh bản chất và giới hạn của khái niệm Trung Quốc, khả năng tái thống nhất Trung Quốc và vị thế chính trị Đài Loan.

8. Văn hóa

Các giá trị truyền thống của Trung Quốc đa phần bắt nguồn từ các tư tưởng chính thống của Nho giáo/ chủ nghĩa bảo thủ, những tư tưởng này đã từng là nội dung giảng dạy chính trong trường học và được đưa vào một phần trong các kỳ thi tuyển quan chức cho chế độ phong kiến. Tuy nhiên, hệ tư tưởng của Nho giáo đã từng đạt đến đỉnh cao vào thời Trung Quốc phong kiến nhà Thanh, thực ra là kết quả của nhiều khuynh hướng tư tưởng khác nhau, trong đó có Pháp gia, mà dưới nhiều khía cạnh bắt nguồn từ tư tưởng chính thống ban đầu của Nho gia; thực tế là khi chế độ phong kiến Trung Quốc đạt tới đỉnh cao thì những vấn đề như ý thức quyền lợi cá nhân, góp ý với chính quyền, và đòi hỏi những thay đổi cho cuộc sống càng bị những triết gia "chính thống" tìm cách ngăn cản, cho rằng Nho giáo là đồng nghĩa với sự quy phục và ổn định chính trị. Hiện nay, có những nhà Nho đương đại lại phản đối kiểu diễn giải đó và cho rằng những lý tưởng dân chủ và quyền con người hoàn toàn phù hợp với những "giá trị Châu Á" Nho giáo cổ truyền.

Những nhà lãnh đạo đã cố gắng thay đổi xã hội Trung Hoa sau khi Cộng hòa nhân dân Trung Hoa được thành lập vào năm 1949 đều là những người được đào tạo dưới xã hội cũ cùng với những dấu ấn giá trị của nó. Mặc dù đều là những người có ý thức cách mạng, họ không có ý định biến đổi hoàn toàn nền văn hóa Trung Hoa. Là những nhà quản lý thực dụng, lãnh đạo của CHNDTH tìm cách thay đổi một số khía cạnh truyền thống như vấn đề sở hữu đất canh tác và vấn đề giáo dục, tuy vậy vẫn giữ những giá trị cũ như cơ cấu gia đình. Thực ra, nhiều người cho rằng thời kỳ cộng sản sau năm 1949 thực ra chỉ là sự nối tiếp lịch sử Trung Quốc truyền thống, chứ không phải là những gì thực sự cách mạng—quần chúng vẫn chấp nhận quan điểm phục tùng giai cấp lãnh đạo như xưa mà không hề phản đối. Chính quyền mới được coi như nắm giữ Thiên mệnh, giành quyền từ chế độ cũ và thiết lập triều đại mới. Cũng giống như thời phong kiến, người cai trị (Mao Trạch Đông) được tôn sùng và coi như không bao giờ mắc lỗi. Do vậy, thay đổi trong xã hội Trung Quốc không phải là toàn diện và nhất quán theo như phát ngôn chính thức.

Trong thời kỳ Cách mạng văn hóa do Hồng vệ binh tiến hành, nhiều khía cạnh của văn hóa truyền thống Trung Quốc như nghệ thuật, văn học, ngôn ngữ, bị chế độ coi là "tàn dư của chế độ phong kiến", là độc hại và đi lùi so với thời đại nên đã bị xóa bỏ khá nhiều. CHNDTH đã cải cách nhiều loại hình nghệ thuật, theo kiểu như "biến đổi" Kinh kịch để phù hợp với các khẩu hiệu tuyên truyền hiện thực xã hội chủ nghĩa. Theo thời gian, phần lớn văn hóa truyền thống Trung Quốc được người dân và chế độ chấp nhận là một phần của xã hội Trung Quốc; thực tế là chính sách quốc gia của Trung Quốc thường tán dương đây là những thành tựu quan trọng của nền văn minh Trung Quốc, và nhấn mạnh chúng là những yếu tố quan trọng trong việc hình thành một bản sắc quốc gia Trung Quốc. Trong những năm gần đây, CHNDTH cũng thường xuyên củng cố tinh thần quốc gia mà nhiều người cho là chiến thuật để duy trì sự lãnh đạo hợp pháp của họ.

Văn học Trung Quốc có bề dày lịch sử hàng ngàn năm, từ các tài liệu lưu trữ của các triều đại cho đến các tiểu thuyết hư cấu từ thời trung cổ để phục vụ cho các độc giả người Trung Quốc biết chữ. Trung Quốc có một kho tàng văn học cổ điển phong phú, bao gồm cả thơ và văn xuôi, có niên đại từ thời nhà Đông Chu (770-256 BCE) và bao gồm các tác phẩm kinh điển được cho là của Khổng Tử. Trong số các tác phẩm kinh điển nhất của văn học Trung Quốc là Kinh Dịch. Trong thời kỳ hiện đại, tác gia Lão Tấn (1881-1936) có thể được xem là người sáng lập văn học bạch thoại hiện đại ở Trung Quốc. Văn học cổ đại Trung Quốc có ảnh hưởng mạnh mẽ đến văn học các nước Hán hóa như: Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam. Cho đến khi văn hóa phương Tây du nhập vào Việt Nam, đặc biệt là thời Pháp thuộc thì văn học Việt Nam mới dần chuyển qua chịu ảnh hưởng của văn học phương Tây cho đến nay.

Ẩm thực Trung Quốc (tiếng Trung: 中國菜)

Có sự khác biệt văn hóa rất lớn giữa các vùng khác nhau của Trung Quốc và do đó dẫn đến sự khác nhau giữa phong cách ẩm thực các vùng miền của Trung Quốc. Có 8 vùng ẩm thực chính ở Trung Quốc: Anhui, Cantonese, Fujian, Hunan, Jiangsu, Shandong, Szechuan, và Zhejiang.

Một bữa ăn theo văn hóa Trung Quốc thường gồm hai thành phần chính: (1) nguồn cấp chất bột, gọi là "主食" trong tiếng Trung, ("zhǔshí" Pinyin, nghĩa "Thức ăn chính") — thường là cơm, mì, hay mantou), và (2) thức ăn kèm theo như rau, thịt, cá.

Cơm là một phần quan trọng bậc nhất trong ẩm thực Trung Hoa, Tuy nhiên, nhiều nơi ở Trung Quốc, đặc biệt là miền Bắc Trung Quốc, các sản phẩm làm từ lúa mì như mì sợi và các loại bánh bao (như mantou) thì chiếm ưu thế, trái với miền Nam Trung Quốc nơi gạo là chủ lực. Tuy nhiên có nhiều trường hợp thì cơm là món phụ và được dùng sau dùng dưới dạng cơm chiên. Món xúp thường được dùng trước và sau một bữa ăn ở Nam Trung Hoa. Đũa là dụng cụ ăn uống của Trung Quốc.

Âm nhạc

Trong các hoạt động săn bắn và cúng tế nguyên thủy của tổ tiên dân tộc Trung Hoa, đã xuất hiện loại hình dân ca sớm nhất và cũng từ đó mở ra trang sử âm nhạc ngũ âm. Người ta biết đến Trung Quốc với một thể loại âm nhạc cổ xưa đặc trưng đó là Kinh kịch, là một thể loại ca kịch của Trung Quốc hình thành và phát triển mạnh tại Bắc Kinh vào thời vua Càn Long của vương triều nhà Thanh. Ban đầu nghệ thuật diễn tuồng sân khấu của Trung Hoa cổ được gọi là ca kịch hay hí kịch là một thể loại diễn tuồng bao gồm ca múa (ngâm khúc kèm theo nghệ thuật vũ đạo), thậm chí có cả các loại tạp kỹ pha trộn như kể chuyện, các màn nhào lộn, xiếc, diễn hoạt kê (tiểu lâm khôi hài), đối thoại trào lộng và võ thuật.

Trải qua mấy nghìn năm diễn biến và phát triển, âm nhạc Trung Quốc luôn mở rộng tầm lòng hướng ra thế giới, luôn cất lên những khát vọng tự do và trân thành, tiếp thu, học tập và hội nhập, đã hình thành những chương nhạc Trung Hoa muôn màu sắc.

Lễ hội

Mỗi năm theo lịch Trung Quốc có 9 lễ hội chính, 7 trong số đó xác định theo âm-dương lịch, 2 lễ hội còn lại có nguồn gốc từ lịch nông nghiệp (nông lịch) dựa theo Mặt Trời. Hai lễ hội đặc biệt đó là Tết Thanh Minh và lễ hội Đông chí. Các ngày lễ hội của Trung Quốc như sau:

| Ngày (âm lịch) | Tên Hoa | Nội dung |
|-----------------|---|---|
| ngày 1 tháng 1 | <u>Tết Nguyên Đán</u> <u>Năm mới</u> | Các gia đình sum họp và ăn Tết trong 3 ngày; trước đây là 15 ngày |
| ngày 15 tháng 1 | <u>Tết Nguyên Tiêu</u> | Lễ hội đèn lồng |
| 4 hay 5 tháng 4 | <u>Tết Thanh Minh</u> | Tảo mộ |
| ngày 5 tháng 5 | <u>Tết Đoan Ngọ</u> | Đua thuyền rồng và ăn rượ nếp (bổng rượ) |
| ngày 7 tháng 7 | <u>Thất tịch</u> | Ngày lễ tình nhân |
| ngày 15 tháng 7 | <u>Tết Trung Nguyên</u> | |

| | | |
|-------------------------|------------------------|---------------------------------------|
| ngày 15 tháng 8 | <u>Tết Trung Thu</u> | Gia đình sum họp và ăn bánh Trung Thu |
| ngày 9 tháng 9 | <u>Tết Trùng Dương</u> | Trèo núi và triển lãm hoa |
| ngày 21 hay 22 tháng 12 | <u>Lễ hội Đông</u> | |

Thể thao

Thế giới biết đến Trung Quốc với đỉnh cao của các môn võ thuật truyền thống với hàng trăm phái võ. Có khoảng hơn 350 môn phái võ thuật khác nhau tại Trung Quốc.

Cùng với võ thuật, Bóng bàn cũng là một môn thể thao được yêu thích tại Trung Quốc. Quốc gia đông dân nhất thế giới hầu như luôn chiếm giữ ngôi vị tuyệt đối trong các trận so tài bóng bàn tại các cuộc thi bóng bàn thế giới. Cùng với những tiến bộ vượt bậc về kinh tế, với sự khéo léo và tài năng của con người, Trung Quốc đang chứng tỏ là một trong những cường quốc thể thao trên thế giới với rất nhiều môn thể thao không có đối thủ.

9. Giáo dục

Về giáo dục, phương châm chiến lược phát triển Giáo dục Trung Quốc đó là: Giáo dục hướng về hiện đại, Giáo dục hướng tới tương lai và Giáo dục hướng ra thế giới. Đây là tư tưởng xác lập vị trí chiến lược của giáo dục trong nỗ lực xây dựng đất nước phát triển, nhất là nhằm tăng cường hội nhập quốc tế. Sau khi gia nhập WTO, Trung Quốc chủ trương bồi dưỡng, giáo dục nhân tài theo ba hướng này.

10. Ngày nghỉ, lễ tết

Kể từ tháng 10/1999, các ngày lễ chính thức ở Trung Quốc đã kéo dài từ 7 đến 10 ngày, bao gồm ngày 1 tháng 1 (Tết dương lịch), 3 ngày đầu của tết âm lịch, ngày 1, 2, 3 tháng 5 và ngày 1, 2, 3 tháng 10.

Vào các dịp này số người đi lễ rất đông và kẹt xe thường hay xảy ra. Vì vậy du khách đến Trung Quốc nên chọn ngày đi để tránh bất tiện do nạn kẹt xe ngoài đường.

Lễ hội Trăng tròn tháng 8 (Tết Trung Thu): là dịp lễ rất quan trọng của người Trung Quốc. Vào dịp này, mặt trăng trở nên tròn nhất trong năm ở Trung Quốc. Theo truyền thống lâu đời của người Hoa, con người là một phần hòa hợp của thiên nhiên. Vào ngày trăng tròn nhất trong năm là dịp đoàn tụ các thành viên trong gia đình. Nếu một thành viên trong gia đình vì công việc quá bận rộn không về nhà được để tham dự Tết Trung thu thì những thành viên còn lại trong gia đình có thể nhìn lên ông trăng tròn để “đoàn tụ” trong tâm trí với người vắng nhà.

Các ngày quốc lễ ở Trung Quốc:

- Ngày 1 tháng 1: Tết Dương lịch
- 3 ngày đầu tiên của Tết Âm lịch: Lễ hội mùa xuân

- Rằm tháng giêng âm lịch: Lễ hội đèn lồng
- Ngày 8 tháng 3: Quốc tế Phụ nữ
- Ngày 5 tháng 4: Ngày tảo mộ
- Ngày 1 tháng 5: Quốc tế Lao động
- Ngày 4 tháng 5: Ngày Thanh niên
- Ngày 1 tháng 6: Ngày Quốc tế Thiếu nhi
- Ngày Mùng 5 tháng 5 âm lịch: Lễ hội thuyền rồng
- Ngày 1 tháng 7: Ngày Thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc, Kỷ niệm ngày Hồng Kông được trao trả về Trung Quốc
- Ngày 7 tháng 7: Kỷ niệm chiến tranh chống quân phát xít Nhật
- Ngày 1 tháng 8: Ngày Quân đội
- Ngày 10 tháng 9: Ngày Nhà giáo
- Ngày 15 tháng 8 âm lịch: Tết Trung Thu
- Ngày 1 tháng 10 (Quốc khánh Trung Quốc)

II. Tình hình phát triển kinh tế, thương mại và đầu tư

1. Kinh tế

1.1 Tổng quan tình hình kinh tế

Đảng Cộng sản Trung Quốc gọi nền kinh tế của Trung Quốc là kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa mang đậm bản sắc Trung Quốc (具有中国特色的社会主义市场经济). Bắt đầu từ cuối năm 1978 các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã tiến hành cải tổ nền kinh tế từ mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung kiểu Xô viết sang nền kinh tế hướng thị trường hơn nhưng vẫn trong khuôn khổ kiểm soát của Đảng. Theo mục tiêu này, chính quyền đã chuyển sang cơ chế khoán trong nông nghiệp thay cho hình thức hợp tác xã, tăng quyền hành đối với cán bộ địa phương và lãnh đạo các nhà máy trong công nghiệp, cho phép hoạt động đối với một loạt các doanh nghiệp cỡ nhỏ trong các ngành dịch vụ và sản xuất nhỏ, và mở cửa nền kinh tế cho ngoại thương và đầu tư nước ngoài. Các chính sách kiểm soát giá cả cũng được nới lỏng. Kết quả là nền kinh tế Hoa Lục đã chuyển từ một nền kinh tế mệnh lệnh sang hình thức kinh tế hỗn hợp, dung hòa cả khuynh hướng tư sản lẫn vô sản.

Chính phủ không còn nhấn mạnh đến sự công bằng mà chú trọng việc tăng thu nhập cũng như sức tiêu thụ cá nhân đồng thời áp dụng những hệ thống quản lý mới để tăng năng suất. Chính phủ cũng tập trung vào ngoại thương như một động cơ chính cho tăng trưởng kinh tế, theo đó 5 đặc khu kinh tế (ĐKKT) đã được thành lập với luật lệ đầu tư được nới lỏng để thu hút vốn nước ngoài. Kết quả là từ 1978 GDP đã tăng lên bốn lần.

Từ năm 1992 trở lại đây, các cải cách kinh tế ở Trung Quốc bước vào giai đoạn mới: xây dựng thể chế kinh tế thị trường và tăng cường hội nhập quốc tế. Đặc điểm chính của giai đoạn này là cải cách chuyển sang xây dựng thể chế mới, từ điều chỉnh chính sách sang sáng tạo mới về chế độ kinh tế, từ cải cách đơn lẻ sang cải cách đồng bộ, từ đột phá trọng điểm chuyển sang kết hợp giữa thúc đẩy tổng thể với đột phá trọng điểm. Trong giai đoạn này, Trung Quốc đã đưa ra chiến lược "tăng tốc" mà mục tiêu là tăng gấp đôi giá trị tổng sản lượng quốc gia so với năm 1990 vào năm 2000, tạo cơ sở cho giai đoạn cất cánh kinh tế trong những thập kỷ đầu thế kỷ 21 và lại tiếp tục tăng GDP gấp bốn lần mức GDP năm 2000 vào năm 2020.

Để thực hiện chiến lược mới, Trung Quốc ưu tiên hàng đầu nhiệm vụ chuyển từ kinh tế kế hoạch sang kinh tế thị trường với năm trụ cột chính là "hai hệ thống" gồm hệ thống điều tiết vĩ mô của nhà nước và hệ thống thị trường thống nhất; "ba chế độ" là: chế độ xí nghiệp hiện đại, chế độ phân phối thu nhập mới và chế độ bảo hiểm xã hội; đề ra mục tiêu ba bước để xây dựng thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Đồng thời Trung Quốc thực hiện chính sách mở cửa toàn phương vị: "duyên hải - ven biển - ven sông - các khu sâu trong nội địa", thực hiện ở cả ba miền: miền Đông, miền Trung và miền Tây, theo cả hai hướng: ven biển và nội địa; cả hai thị trường: trong nước và quốc tế, xây dựng các khu phát triển từ đơn lẻ thành quần thể mà trọng điểm là Thượng Hải, Quảng Đông, Giang Tô, Sơn Đông, Đại Liên. Từ năm 1992, Trung Quốc đã tiến hành một loạt các biện pháp cải cách mới mẻ như: cải cách tài chính tiền tệ, cải cách hệ thống ngân hàng, cải cách thuế, cải cách hệ thống ngoại thương, từng bước cải cách hệ thống giá cả, thống nhất tỷ giá hối đoái, cải cách mạnh mẽ

hơn các doanh nghiệp nhà nước theo hướng xoá bỏ thua lỗ, xây dựng chế độ xí nghiệp hiện đại thích ứng với yêu cầu của kinh tế thị trường, từng bước đưa các doanh nghiệp làm quen và thích ứng với các yêu cầu mới sau khi Trung Quốc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

Trung Quốc có mức tăng trưởng kinh tế đứng hàng đầu thế giới. Trong giai đoạn 1993 - 1997, mức tăng bình quân đạt tới 11%/năm, cao gấp 3 lần so với mức tăng bình quân của thế giới trong cùng thời kỳ. Trong những năm 1998 - 2004, mặc dù kinh tế khu vực và thế giới có nhiều biến động, Trung Quốc vẫn tiếp tục duy trì mức tăng trưởng vào loại cao nhất thế giới. Tính từ năm 1979 đến năm 2005, năm cuối cùng thực hiện "Kế hoạch 5 năm lần thứ 10", GDP bình quân hàng năm của Trung Quốc tăng trên 9,4%, đạt mức cao nhất thế giới. GDP năm 2005 đạt 2.200 tỷ USD, tăng 9,9%. Trong đó lĩnh vực nông nghiệp chiếm 12,5%, công nghiệp chiếm 47,3% và dịch vụ chiếm 40,3%. Sau gần 10 năm 2014 GDP tăng 9,4% trong đó nông nghiệp đóng góp 10,6%, công nghiệp: 46,8% và dịch vụ chiếm 42,6%. Sản lượng sản xuất nhiều sản phẩm đứng hàng đầu thế giới. Từ một nước nghèo hàng hoá khan hiếm và thường xuyên phải nhập một khối lượng lớn lương thực, gần đây Trung Quốc đã vượt lên đứng đầu thế giới về sản lượng nhiều loại sản phẩm như: ngũ cốc, bông, hạt có dầu, thực phẩm, thép, than, vải dệt, xi măng...; đồng thời Trung Quốc cũng đứng thứ hai thế giới về sản lượng điện, phân hoá học, về số thuê bao Internet. Trung Quốc cũng đứng thứ 3 thế giới về sản xuất ô tô.

Hiện nay, Trung Quốc là nước thứ 4 sau Hoa Kỳ, Nhật và Đức về sản xuất hàng công nghiệp hiện đại. Trung Quốc đứng đầu thế giới về 35 loại sản phẩm công nghiệp như: máy thu hình màu, máy giặt, tủ lạnh, điều hoà nhiệt độ, máy tính, máy điện thoại kỹ thuật số, lò vi sóng, VCD, điện thoại di động, máy fax, xe máy, xe đạp, linh kiện máy tính, tơ lụa, trang phục... với hơn 40 loại sản phẩm có sản lượng chiếm trên 50% tổng sản lượng thế giới. Các loại hàng hoá này đều chiếm ưu thế trên thế giới về số lượng tuyệt đối hay về giá cả.

Mục tiêu chiến lược và các bước phát triển kinh tế của Trung Quốc đầu thế kỷ 21:

* **Đại hội 15 ĐCS Trung Quốc (9/1997)** đã đưa ra cương lĩnh xây dựng phát triển kinh tế Trung Quốc đầu thế kỷ 21 với 3 bước lớn:

- **Bước 1:** Từ năm 2000 - 2010, tăng gấp đôi GDP so với năm 2000, nâng cao đời sống nhân dân từ mức khá lên giàu có;
- **Bước 2:** Từ năm 2010 - 2020, kinh tế quốc dân phát triển hơn và các chế độ hoàn thiện hơn;
- **Bước 3:** Từ năm 2020 - 2049, cơ bản hoàn thành hiện đại hoá, Trung Quốc trở thành nước XHCN giàu mạnh, dân chủ, văn minh.

Các bước phát triển trên của kinh tế Trung Quốc đã được cụ thể hoá bằng các mục tiêu sau: Từ năm 2010-2020, duy trì tăng trưởng GDP bình quân 7%/năm, nâng cao tỷ lệ tăng trưởng bình quân cộng lại của các nước thu nhập thấp, các nước thu nhập trung bình và các nước thu nhập cao.

Từ năm 2020- 2030, tăng trưởng GDP bình quân 6,3%, tổng lượng kinh tế đạt tới vị trí số 1 thế giới.

Từ năm 2030- 2040, tăng trưởng GDP bình quân 5,4%/năm.

Từ năm 2040- 2050, GDP tăng trưởng bình quân 4,6%/năm. Cùng với kinh tế phát triển, bình quân GDP và các chỉ tiêu kinh tế khác cũng như trình độ phát triển xã hội đạt tới trình độ của các nước phát triển cuối thế kỷ 20.

Từ năm 2050 đến cuối thế kỷ 21, bình quân GDP và các chỉ tiêu khác cũng như trình độ phát triển xã hội đều đạt tới trình độ của các nước phát triển cùng thời gian đó. Nói cách khác, Trung Quốc cần 100 năm để đạt tới vị trí đứng đầu thế giới về kinh tế.

1.2. Các ngành kinh tế trọng điểm

Nông nghiệp

Trung Quốc là quốc gia đông dân nhất trên thế giới và là một trong những nước sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp nhiều nhất. Theo chương trình lương thực của Liên hiệp quốc, vào năm 2003, Trung Quốc đóng góp tới 20% dân số thế giới trong khi với chỉ 7% khu vực đất trồng. Trung Quốc xếp hàng đầu về sản lượng lương thực đầu ra, do ảnh hưởng của các nhân tố địa lý và khí hậu, chỉ khoảng 10-15% tổng số đất trồng là thích hợp để canh tác. Với lý do này, hơn một nửa số đất trồng là không được tưới, số còn lại được chia đều giữa đồng ruộng và khu vực có nước. Tuy nhiên, khoảng 60 % dân số sống tại các khu vực nông thôn và đến tận những năm 1980 thì nguồn thu nhập chính của họ vẫn là nông nghiệp. Sau đó, họ được khuyến khích tách khỏi đồng ruộng và kiếm sống bằng các hoạt động khác như sản xuất công nghiệp nhẹ, thương mại và vận tải. và đến giữa những năm 1980 thu nhập từ nông nghiệp được tính ít hơn một nửa so với giá trị đầu ra của nông thôn. Ngày nay, nông nghiệp chỉ đóng góp 10,6% GDP của Trung Quốc.

Khoảng 39,5% dân số lao động của Trung Quốc làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp. Có khoảng 300 triệu công nhân lao động trong các nông trại. Trung Quốc là nước sản xuất lúa gạo lớn nhất thế giới và gạo cũng một trong những nguồn lương thực quan trọng là lúa mì, ngô, thuốc lá, lạc, bông, khoai tây, đậu phộng, chè, kê, lúa mạch, thịt lợn. Những vụ mùa không phải là lương thực gồm bông, các loại sợi khác, các hạt lấy dầu đã đóng góp cho Trung Quốc một tỷ trọng nhỏ trong doanh thu từ ngoại thương. Xuất khẩu nông nghiệp như rau quả, cá, tôm, ngũ cốc và các sản phẩm ngũ cốc, thịt và các sản phẩm từ thịt được xuất khẩu sang Hong Kong. Lợi nhuận thu được cao bởi sự canh tác chuyên sâu, ví dụ, khu vực đất trồng của Trung Quốc chỉ bằng 75% so với diện tích đất trồng của Hoa Kỳ nhưng Trung Quốc vẫn sản xuất nhiều hơn khoảng 30% vụ mùa và vật nuôi so với Hoa Kỳ. Trung Quốc hy vọng gia tăng hơn nữa sản lượng nông nghiệp bằng việc cải tạo đất trồng, phân bón và công nghệ.

Miền tây Trung Quốc gồm có Tibet, Xinjiang, và Qinghai có rất ít diện tích đất nông nghiệp ngoại trừ khu vực trồng hoa và chăn nuôi gia súc. Lúa gạo, là cây trồng quan trọng nhất của Trung Quốc, được trồng nhiều hơn ở các tỉnh miền nam, rất nhiều tỉnh cho thu hoạch hai vụ một năm. Tại phía bắc, lúa mì là cây quan trọng nhất, trong khi đó tại trung tâm Trung Quốc thì lúa mì và lúa gạo cạnh tranh với nhau ở vị trí quan trọng hàng đầu. Cây kê và cao lương (một loại hạt ngũ cốc) đang được trồng chủ yếu ở các vùng đông bắc và một số tỉnh trung tâm, và cùng với một số khu vực phía bắc cũng đóng góp số lượng đáng kể về lúa mạch.

Hầu hết các loại cây trồng họ đậu đều có xuất xứ từ miền bắc và đông bắc. Ngô được trồng ở trung tâm và các khu vực phía bắc trong khi chè được trồng chủ yếu từ các vùng núi cao của miền đông nam. Cây bông được trồng hầu khắp các tỉnh trung tâm nhưng cũng rải rác ở các tỉnh đông nam và ở phía bắc. Cây thuốc lá được trồng ở vùng trung tâm và các vùng phía nam. Các cây trồng quan trọng khác gồm có khoai tây, củ cải đường và cây lấy dầu.

Nghề nuôi gia súc đứng thứ hai về tầm quan trọng trong sản xuất nông nghiệp của Trung Quốc. Trung Quốc là nước dẫn đầu về sản xuất thịt lợn, thịt gà, trứng và cũng có những đàn gia súc có quy mô như cừu, bò. Từ giữa những năm 1970, Trung Quốc đã nhân mạnh hơn về sản lượng đầu ra của vật nuôi. Trung Quốc có truyền thống về nghề chế biến, nuôi cá nước ngọt và nuôi trồng thủy sản. Nghề chăn nuôi luôn luôn đóng vai trò quan trọng và ngày càng được nhân mạnh để phụ thêm nghề nuôi cá vùng biển và nội địa đang bị đe dọa bởi việc đánh bắt cá quá mức và cũng cung cấp các loại hàng hóa xuất khẩu có giá trị ví dụ như tôm hùm.

Công nghiệp và chế tạo

Công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 48% GDP của Trung Quốc. Khoảng 8% tổng số đầu ra hàng chế tạo trên thế giới đến từ Trung Quốc. Trung Quốc xếp thứ 3 trên thế giới về hàng đầu ra công nghiệp. Công nghiệp chủ yếu là mỏ, xử lý quặng, sắt thép, nhôm, than đá, máy móc, vũ khí, hàng dệt may, dầu mỏ, xi măng, hóa chất, phân bón, chế biến thức ăn, sản xuất ô tô và các phương tiện giao thông khác bao gồm ô tô ray, đầu máy xe lửa, tàu thủy, máy bay, hàng tiêu dùng gồm giày dép, đồ chơi, hàng điện tử, hàng công nghệ viễn thông. Trung Quốc trở thành điểm đến ưa thích của việc phân bổ lại các phương tiện sản xuất toàn cầu. Sức mạnh của Trung Quốc như là một sân ga xuất khẩu để đóng góp thu nhập và việc làm cho Trung Quốc. Khu vực nhà nước vẫn chiếm khoảng 40% GDP. Những năm gần đây, chính quyền đã chú ý nhiều hơn đến việc quản lý tài sản của nhà nước - cả trong thị trường tài chính cũng như các doanh nghiệp sở hữu nhà nước và quá trình này cũng đáng chú ý.

Từ khi thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, phát triển công nghiệp luôn được coi trọng. Các ngành công nghiệp chính của đất nước là sắt, thép, than đá, chế tạo máy, sản xuất hàng công nghiệp nhẹ, chế tạo vũ khí và dệt may.

Trong rất nhiều các ngành công nghiệp khác nhau, chế tạo máy móc và công nghiệp luyện kim nhận được nhiều ưu tiên cao nhất. Hai khu vực này bản thân đã chiếm khoảng 20-30% tổng giá trị của đầu ra công nghiệp. Tuy nhiên, việc đổi mới nhìn chung đã trải qua sự kiểm soát của một hệ thống mà có sự tăng trưởng của tỷ trọng đầu ra hơn là cải thiện mẫu mã, chất lượng. Do vậy, Trung Quốc vẫn nhập khẩu đáng kể số lượng thép chuyên dùng. Tỷ trọng đầu ra công nghiệp đã tăng bình quân hàng năm hơn 10% đã vượt qua nhiều ngành khác trong tốc độ tăng trưởng kinh tế và mức độ hiện đại hóa.

Việc tập trung cũng dễ nhận thấy là phát triển công nghiệp hóa chất để mở rộng sản xuất đầu ra của phân bón hóa học, nhựa và sợi tổng hợp. Sự phát triển ngành công nghiệp này đã xếp Trung Quốc vào hàng những nước sản xuất hàng đầu thế giới về phân bón hóa học.

Về lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng, tập trung chủ yếu vào hàng dệt may và quần áo, việc này đóng một phần quan trọng vào xuất khẩu của Trung Quốc. Công nghiệp sản xuất hàng dệt may có tỷ trọng tăng trưởng nhanh chóng gồm cả sợi tổng hợp ước tính khoảng 10% sản lượng đầu ra và tiếp tục đóng vai trò quan trọng nhưng ít hơn nhiều so với trước đây. Ngành công nghiệp này rải rác trên toàn quốc nhưng cũng có một số những trung tâm dệt may quan trọng như Thượng Hải, Quảng Châu và HarBin.

Năng lượng và khoáng sản

Từ năm 1980 sản xuất năng lượng của Trung Quốc đã tăng mạnh, nâng cao tỷ trọng đạt được trong việc tiêu dùng nội địa. Khoảng 80% năng lượng được tổng hợp từ các nhà máy nhiệt điện, với khoảng 17% là từ thủy điện, chỉ khoảng 2% là từ năng lượng hạt nhân, chủ yếu là từ các nhà máy được đặt tại Quảng Đông và Triết Giang. Mặc dù Trung Quốc có dự trữ năng lượng giàu có nhưng hầu hết đều chưa được phát triển. Hơn nữa sự phân bố địa lý về năng lượng thì hầu hết lại xa những nơi cần sử dụng. Phía đông bắc Trung Quốc có nguồn trữ lượng than đá và dầu mỏ dồi dào, vùng Trung tâm của phía bắc Trung Quốc dồi dào về than đá và phía tây nam là một vùng rộng lớn có trữ lượng thủy điện dồi dào. Nhưng các khu vực công nghiệp xung quanh vùng Quảng Châu và khu vực hạ lưu sông Yangtze quanh Thượng Hải có rất ít năng lượng, trong khi có khá ít ngành công nghiệp nặng được đặt gần nguồn có năng lượng chính hơn những nơi khác ở vùng phía nam của khu đông bắc.

Sản lượng năng lượng điện phát sinh tăng nhanh chóng, việc này một phần là do giá năng lượng bị cố định quá thấp đối với các ngành công nghiệp được khuyến khích bảo tồn. Hơn nữa, thông thường cần thiết phải vận chuyển nhiên liệu (đặc biệt là than đá) từ một khoảng cách khá xa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ. Than đá cung cấp khoảng từ 70-75% tiêu dùng năng lượng của Trung Quốc, mặc dù quy mô của nó đang giảm dần. Sản xuất dầu mỏ, sản lượng tăng nhanh từ mức rất thấp vào đầu những năm 1960 đã tăng dần từ những năm 1980. Sản xuất khí tự nhiên vẫn chỉ ở mức nhỏ (mặc dù đã tăng) trong tổng thể ngành sản xuất năng lượng. Nhưng khí đang chiếm vị trí của than đá trở thành nguồn nhiên liệu tiêu dùng nội địa tại các thành phố chính.

Trong những năm 1990 nhu cầu năng lượng đã tăng cao để phản ứng lại sự mở rộng nhanh chóng của nền kinh tế nhưng sản xuất năng lượng vẫn bị ép buộc bởi nguồn vốn hạn chế. Cũng như các khu vực khác của nền kinh tế sở hữu nhà nước, khu vực năng lượng bị ảnh hưởng từ việc tận dụng thấp và không hiệu quả trong sản xuất, vận chuyển, sự luân chuyển, tiêu dùng và bảo quản. Các vấn đề khác bao gồm giảm giá, tăng thuế và chi phí sản xuất, chi phí, những gánh nặng nợ nần, đầu tư không hiệu quả, năng suất thấp.

Năm 2003, Trung Quốc đã vượt qua Nhật Bản để trở thành nước tiêu thụ năng lượng lớn thứ hai thế giới sau Hoa Kỳ. Trung Quốc là nước tiêu thụ lớn thứ hai trên thế giới về dầu mỏ sau Hoa Kỳ, năm 2006, nhu cầu dầu mỏ của Trung Quốc đã tăng lên tương ứng với lượng tăng 38% nhu cầu dầu mỏ của thế giới. Trung Quốc cũng là nước sản xuất năng lượng lớn thứ 3 trên thế giới sau Hoa Kỳ và Nga. Tiêu dùng điện năng của Trung Quốc ước đạt tăng hơn 4% một năm từ nay đến năm 2030 đòi hỏi hơn 2 nghìn tỷ đô la đầu tư cơ sở hạ tầng cho điện

năng để đáp ứng nhu cầu. Trung Quốc ước đạt tăng thêm 15,000 megawatts năng lượng tái tạo hàng năm, với 20% này là từ các nhà đầu tư nước ngoài.

Do phần lớn liên quan đến vấn đề môi trường, Trung Quốc muốn chuyển hướng hỗn hợp năng lượng hiện tại của Trung Quốc từ sự nhờ cậy chính là vào than đá, chiếm tới 70-75% năng lượng của Trung Quốc, thành sự nhờ cậy vào dầu mỏ, khí tự nhiên, năng lượng tái tạo mới. Trung Quốc đã đóng cửa hàng ngàn mỏ than trong 5-10 năm qua để cắt giảm sự khủng hoảng thừa. Theo các số liệu của quốc gia này cho thấy, nước này đã giảm lượng sản xuất hơn 25%.

Du lịch

Là một đất nước rộng lớn và với bề dày lịch sử trên 5.000 năm, Trung Quốc ngày nay là một nơi hấp dẫn du lịch vào loại bậc nhất trên thế giới theo phong cách văn hóa Phương Đông. Hàng năm, Trung Quốc đón hơn 80 triệu du khách nước ngoài (Kể cả Hongkong và Macao). Với 32 địa danh được UNESCO công nhận là di sản thế giới. Trung Quốc là một trong những nước sở hữu số lượng di sản nhiều nhất trên thế giới (Di sản vật thể). Với địa hình đa dạng và với lịch sử phong kiến tập quyền hàng ngàn năm, ngành du lịch Trung Quốc vẫn đang trong quá trình tìm kiếm và khai quật khảo cổ những địa danh thiên nhiên và lịch sử sẽ làm sừng sốt thêm hàng triệu du khách và chắc chắn rằng con số mà UNESCO công nhận ở Trung Quốc còn tăng tiếp. Có thể nói, những di tích, những công trình kiến trúc, những hiện vật liên quan, thậm chí là những giai thoại lịch sử của người Trung Quốc... cách đây hàng mấy trăm năm thậm chí hàng ngàn năm nhưng các chính quyền Trung Quốc trước nay phần lớn đều gìn giữ nguyên vẹn. Đây là một thế mạnh quan trọng nhất của ngành du lịch về loại hình văn hóa - lịch sử. Hiện tại du lịch Trung Quốc đã rất đa dạng về loại hình là nhằm mục đích phát triển đa dạng về nguồn khách. Ví dụ như muốn tìm hiểu đất nước Trung Quốc trong 10 năm qua thì nên đến thành phố Thâm Quyển; Trong 100 năm thì đến Thượng Hải; Trong 1.000 năm thì đến Bắc Kinh... Nhưng hầu hết khi nói đến du lịch Trung Quốc thì người ta nghĩ ngay đến các cảnh quan thiên nhiên huyền bí và các lăng tẩm, đền đài, thành lũy rất cổ kính và đồ sộ của người Trung Quốc xưa. Và đó cũng là lý do để UNESCO công nhận, xếp hạng và bảo tồn các địa danh du lịch chính của Trung Quốc hiện nay.

2. Thương mại

Kim ngạch thương mại của Trung Quốc đứng thứ nhất thế giới. Năm 1988, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Trung Quốc chỉ đạt 20,6 tỷ USD, đứng thứ 32 trên thế giới. Đến cuối năm 2004, tổng kim ngạch thương mại của Trung Quốc đạt hơn 1154,7 tỷ USD, với mức này, Trung Quốc đã vượt Nhật Bản và vươn lên đứng thứ 3 trên thế giới, chỉ sau Hoa Kỳ và Đức. Năm 2014, tổng kim ngạch thương mại Trung Quốc đạt hơn 4300 tỷ USD. Như vậy, sau hơn 20 năm, Trung Quốc đã đưa thứ hạng của mình về kim ngạch thương mại từ vị trí thứ 32 lên vị trí thứ nhất trên thế giới.

Bảng 1: Tổng hợp kim ngạch thương mại của Trung Quốc từ 2010 – 2014

Dvt: nghìn USD

| Năm | Nhập khẩu | Xuất khẩu | Tổng kim ngạch |
|------------|------------------|------------------|-----------------------|
| 2010 | 1.396.001.600 | 1.577.763.800 | 2.973.165.400 |

| | | | |
|------|---------------|---------------|---------------|
| 2011 | 1.743.394.900 | 1.898.388.400 | 3.641.783.330 |
| 2012 | 1.818.199.200 | 2.048.782.200 | 3.866.981.400 |
| 2013 | 1.949.992.315 | 2.209.007.280 | 4.158.999.595 |
| 2014 | 1.958.021.301 | 2.342.343.011 | 4.300.364.312 |

Nguồn: Trademap, 8/2015

Các sản phẩm xuất khẩu chủ yếu: điện và các máy móc, kể cả thiết bị xử lý dữ liệu, may mặc, đồ gỗ, dệt may, mạch tích hợp, máy móc thiết bị, nhựa dẻo, thiết bị quang học, thiết bị y tế, thép...

Thị trường xuất khẩu chính: Hoa Kỳ 16,9%, Hồng Kông 15,5%, Nhật Bản 6,4%, Hàn Quốc 4,3% (năm 2014)

Các sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là: dầu mỏ, nhiên liệu thô, chất dẻo, thiết bị quang học, thiết bị y tế, các chất hóa hữu cơ, lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy móc và linh kiện; thiết bị quang học và y tế, quặng kim loại ...

Thị trường nhập khẩu chính: Hàn Quốc 9,7%, Nhật Bản 8,3%, Hoa Kỳ 8,1%, Đài Loan 7,8%, Đức 5,4%, Australia 5% (năm 2014)

3. Đầu tư

Hiện nay, có hơn 170 nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào Trung Quốc, trong đó có 10 nhà đầu tư hàng đầu, chiếm tới 97%, đặc biệt, Hồng Kông, Ma Cao và Đài Loan chiếm tới 65% tổng đầu tư nước ngoài vào Trung Quốc. Theo thống kê, Trung Quốc đã có trên 14,5 vạn doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với tổng số công nhân là 17 triệu người, chiếm 11% tổng số lao động phi nông nghiệp toàn quốc, nộp thuế cho Nhà nước đạt 12%, chiếm 14% GDP toàn quốc, kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đạt 74,9 tỷ USD, chiếm 41% kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Nhờ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Trung Quốc đã tăng đáng kể thu ngân sách, bảo đảm việc làm.

Chính phủ Trung Quốc bắt đầu khuyến khích đầu tư ra nước ngoài có phải vì bản thân nguồn vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Trung Quốc quá lớn. Đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc trước hết sẽ tập trung vào những nguồn mà trong nước đang thiếu như tài nguyên, quặng, xăng dầu, khí tự nhiên. Đầu tư xong, có sản phẩm bán về Trung Quốc, như vậy có hiệu quả hơn. Ưu tiên thứ hai là hàng điện - điện tử gia dụng do hiện nay thị trường trong nước đã bão hòa, cần phải tìm thị trường mới. Ưu tiên thứ ba là nông nghiệp vì nông nghiệp Trung Quốc phát triển rất sớm. Trung Quốc có thể xuất khẩu thức ăn gia súc, thuốc trừ sâu hoặc các loại giống. Về việc đầu tư ra thị trường nước ngoài chỉ có những tập đoàn lớn mới dám đầu tư nên họ nhắm vào thị trường Âu - Mỹ, vì hàm lượng kỹ thuật cao nên giá bán cũng cao. Hiện nay các tập đoàn lớn của Trung Quốc cũng có đầu tư ở Pháp, Đức, hay Nhật. Tập đoàn Haier chuyên về điện tử, điện lạnh là một ví dụ.

4. Cơ sở hạ tầng kinh tế

(Nguồn: www.cia.gov)

Thông tin liên lạc

- Điện thoại cố định: 249,4 triệu thuê bao (năm 2014)

- Điện thoại cầm tay: 1,3 tỷ thuê bao (năm 2014)
- Số người sử dụng internet: 626 triệu người (năm 2014). Trung Quốc đã vượt Mỹ trở thành nước có số người sử dụng internet nhiều nhất thế giới vào tháng 7/2008.

Giao thông vận tải

- Sân bay: 507 (năm 2013)
- Đường sắt: 191.270 km (năm 2014)
- Đường bộ: 4.106.387 km (năm 2014)
- Đường thủy: 110.000 km (năm 2011)
- Đường ống: Dẫn gas 48.502 km; dẫn dầu/gas/nước 31 km: 20.097 km; các đường ống khác 10.915 km (năm 2014)
- Đội tàu biển (2014): 2030 chiếc (trọng tải 1.000 GRT trở lên)
- Cảng và hải cảng: Đại Liên, Quảng Châu, Nam Ninh, Ninh Bô, Thanh Đảo, Thiên Tân, Thương Hải.

5. Các chỉ số kinh tế, thương mại cơ bản

- GDP: 17.620 tỷ USD
- Tỷ lệ tăng trưởng GDP: 7,4%
- GDP trên đầu người (PPP): 12.900 USD (năm 2014)
- GDP theo ngành: + Nông nghiệp: 9,2%
+ Công nghiệp: 42,6%
+ Dịch vụ: 48,2%
- Lực lượng lao động: 801.600.000 triệu người
- Lực lượng lao động theo ngành nghề: + Nông nghiệp: 33,6%
+ Công nghiệp: 30,3%
+ Dịch vụ: 36,1%
- Tỷ lệ thất nghiệp: 4,1%
- Tỷ lệ dân cư dưới mức nghèo đói: 6,1%
- Tỷ lệ lạm phát giá tiêu dùng: 2%
- Nhập khẩu: 2.343 tỷ USD
- Xuất khẩu: 1.960 tỷ USD
- Ngân sách: + Tổng thu nhập: 2.285 tỷ USD
+ Tiêu dùng: 2.469 tỷ USD
- Nợ công: 15,1%
- Sản phẩm nông nghiệp: gạo, lúa mì, khoai tây, ngô, lạc, chè, hạt kê, lúa mạch, táo, bông, hạt có dầu; thịt lợn; cá.
- Các ngành công nghiệp: dầu thế giới về giá trị sản lượng công nghiệp; khai thác và chế biến quặng, sắt, thép, nhôm, và các kim loại khác, than; chế tạo máy; vũ khí; hàng dệt may; dầu khí; xi măng; hóa chất; phân bón; sản phẩm tiêu dùng (bao gồm cả giày dép, đồ chơi và thiết bị điện tử); chế biến thức ăn; thiết bị giao thông vận tải, bao gồm ô tô, toa xe và đầu máy xe lửa, tàu, máy bay; thiết bị viễn thông, xe phóng không gian thương mại, vệ tinh.
- Lượng điện sản xuất: 5650 tỷ KWh
- Lượng điện tiêu thụ: 5523 tỷ KWh
- Lượng điện xuất khẩu: 18, 16 tỷ KWh
- Lượng điện nhập khẩu: 6,75 tỷ KWh

- Lượng sản phẩm dầu mỏ tinh chế - sản xuất: 9,648 triệu thùng/ngày
- Lượng sản phẩm dầu mỏ tinh chế - tiêu thụ: 10,76 triệu thùng/ngày
- Sản phẩm dầu mỏ tinh chế - Xuất khẩu: 593.400 thùng/ngày
- Sản phẩm dầu mỏ tinh chế - Nhập khẩu: 600.000 thùng/ngày
- Lượng khí gas sản xuất: 130,2 tỷ m³
- Lượng khí gas tiêu thụ: 181,8 tỷ m³
- Lượng khí gas xuất khẩu: 2,647 tỷ m³
- Lượng khí gas nhập khẩu: 58 tỷ m³
- Dự trữ ngoại hối và vàng: 3.899 tỷ USD (tính đến ngày ngày 31 tháng 12 năm 2014)
- Nợ nước ngoài: 894.9 tỷ USD
- Nguồn FDI trong nước: 1287 tỷ USD
- Nguồn FDI ở nước ngoài: 646,3 tỷ USD
- Tiền tệ: Nhân dân tệ CNY
- Tỷ giá ngoại tệ từ CNY sang USD: 1USD = 6,5 (năm 2015); 6,1428 (năm 2014); 6,1958 (năm 2013); 6,31 (năm 2012); 6,4615 (năm 2011); 6,7703 (năm 2010)
(Nguồn: CIA The World FactBook 2015)

6. Quan hệ quốc tế

Trung Quốc tham gia các tổ chức quốc tế sau:

AfDB, APEC, APT, ARF, AsDB, ASEAN (đối tác đối thoại), BCIE, BIS, CDB, EAS, FAO, G-77, IAEA, IBRD, ICAO, ICC, ICRM, IDA, IFAD, IFC, IFRCs, IHO, ILO, IMF, IMO, Interpol, IOC, IOM (quan sát viên), IPU, ISO, ITU, LAIA (quan sát viên), MIGA, MINURSO, MONUC, NAM (quan sát viên), NSG, OAS (quan sát viên), ONUB, OPCW, PCA, PIF (đối tác), SAARC (quan sát viên), SCO, UN, UN Security Council, UNAMSIL, UNCTAD, UNESCO, UNHCR, UNIDO, UNITAR, UNMEE, UNMIL, UNMIS, UNMOVIC, UNOCI, UNTSO, UPU, WCO, WHO, WIPO, WMO, WToO, WTO, ZC

III. Quan hệ thương mại Việt Nam – Trung Quốc

1. Quan hệ Ngoại giao

Năm 2015 là năm kỷ niệm 65 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam - Trung Quốc (18/01/1950-18/01/2015).

Kể từ khi bình thường hoá quan hệ năm 1991 đến nay, quan hệ hữu nghị và hợp tác Việt - Trung phát triển nhanh chóng và sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực, đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho cả hai bên. Đến nay, hai nước đã ký nhiều hiệp định cấp Chính phủ và các văn kiện hợp tác khác, đặt cơ sở pháp lý cho quan hệ hợp tác lâu dài giữa hai nước. Hai bên đã khai thông đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu hàng hoá và hành khách giữa hai nước. Trao đổi đoàn ở trung ương và địa phương ngày càng tăng, hàng năm hai bên trao đổi trên 100 đoàn ở cấp lãnh đạo các bộ, ngành và địa phương, đoàn thể quần chúng, góp phần tăng cường hiểu biết và mở rộng hợp tác giữa hai nước.

- Các cuộc gặp gỡ giữa Lãnh đạo cấp cao hai nước được duy trì đều đặn hàng năm. Trong chuyến thăm Trung Quốc của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu tháng 2/1999, lãnh đạo cấp cao hai nước đã xác định phương châm 16 chữ thúc đẩy quan hệ hai nước trong thế kỷ 21 là "láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai". Dịp Chủ tịch nước Trần Đức Lương thăm Trung Quốc tháng 12/2000, hai bên đã ký Tuyên bố chung về hợp tác toàn diện trong thế kỷ mới, cụ thể hoá phương châm 16 chữ đó thành những biện pháp cụ thể phát triển quan hệ hai nước trên tất cả các lĩnh vực. Hai bên cũng đã thoả thuận đưa hai nước trở thành "láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, đối tác tốt".

Trong năm 2007, đã diễn ra các chuyến thăm cấp cao của Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết (5/2007); Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Phú Trọng (4/2007); bên cạnh đó, dịp dự Hội nghị cấp cao ASEAN 13 tại Singapore (11/2007), Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã có cuộc gặp với Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo. Sau Đại hội ĐCS lần thứ 17, Ban đã cử Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Ban Bí thư, Trưởng Ban tuyên truyền TW Lưu Vân Sơn sang ta thông báo về kết quả Đại hội.

Từ ngày 30/5-2/6/2008, Tổng Bí thư BCH TW Đảng Cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh thăm hữu nghị chính thức Trung Quốc. Hai bên ra Tuyên bố chung, nhất trí phát triển quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt Nam-Trung Quốc theo phương châm 16 chữ và tinh thần 4 tốt. Hai bên cũng đang triển khai việc thiết lập đường dây nóng giữa Lãnh đạo cấp cao hai nước.

Từ ngày 07/4/2015, nhận lời mời của Tổng Bí thư BCH TW Đảng Cộng sản Trung Quốc. Tổng Bí thư BCH TW Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Phú Trọng thăm hữu nghị chính thức Trung Quốc.

Từ ngày 03/9/2015, nhận lời mời của Tổng Bí thư BCH TW Đảng Cộng sản kiêm Chủ tịch nước Cộng hòa nhân dân Trung Quốc. Chủ tịch nước Trương Tấn Sang thăm cấp cao chính thức Trung Quốc.

Trong các chuyến thăm, Lãnh đạo cấp cao hai nước nhấn mạnh tình hữu nghị Việt-Trung là tài sản quý báu của hai nước và nhân dân hai nước, cần được hết sức giữ gìn và không ngừng vun đắp; khẳng định sẽ làm hết sức mình để đưa quan hệ đó ngày càng sâu sắc hơn, tin cậy hơn, cùng ủng hộ lẫn nhau trong sự nghiệp đổi mới, cải cách mở cửa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước, vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực và trên thế giới.

Hai bên đã thành lập Ủy ban chỉ đạo hợp tác song phương Việt Nam - Trung Quốc (11/2006) và đã tiến hành 8 phiên họp (phiên thứ 8 họp tại Bắc Kinh tháng 6/2015).

Hai bên đã tổ chức một số cuộc hội thảo về lý luận, kinh nghiệm xây dựng Đảng, quản lý nhà nước, về đổi mới, cải cách mở cửa, hội nhập quốc tế. Việc giao lưu giữa thế hệ trẻ hai nước được duy trì (tháng 4/2015, đã diễn ra cuộc “Gặp gỡ hữu nghị thanh niên Việt Nam – Trung Quốc” lần thứ 15 tại Thủ đô Bắc Kinh).

Quan hệ giữa các ngành như ngoại giao an ninh, quốc phòng được tiếp tục tăng cường với việc ký các thỏa thuận hợp tác giữa hai Bộ Ngoại giao (12/2002), hai Bộ Công an (9/2003), hai Bộ Quốc phòng (10/2003); hai ngành An ninh (3/2005) và Thỏa thuận hợp tác biên phòng và Thỏa thuận về hợp tác giữa hai Tổng Cục chính trị Bộ Quốc phòng hai nước (8/2007); Hiệp định về tăng cường hợp tác phòng chống buôn bán người (ký năm 2010).

Trong chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng Trung Quốc Lý Khắc Cường (năm 2013), hai bên đã nhất trí thúc đẩy hợp tác kinh tế - thương mại với trọng tâm là hợp tác xây dựng một số dự án tiêu biểu có quy mô lớn về cơ sở hạ tầng, kết nối giao thông; tiếp tục áp dụng các biện pháp bảo đảm thúc đẩy quan hệ thương mại phát triển cân bằng, lành mạnh, hoàn thành trước thời hạn mục tiêu kim ngạch thương mại đạt 60 tỷ USD năm 2015, đặt mục tiêu 100 tỷ USD năm 2017; tăng cường phối hợp và hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, nhất là hợp tác trong việc phòng ngừa tác động của khủng hoảng tài chính tiền tệ quốc tế, giữ vững an ninh tiền tệ ở mỗi nước.

Các địa phương của hai bên cũng tăng cường quan hệ hợp tác trực tiếp với nhiều hình thức đa dạng và thiết thực (trao đổi đoàn khảo sát, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau, ký kết các văn bản hợp tác, cùng nhau tổ chức hội thảo, triển lãm...).

Tháng 9/2015 Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc thăm và làm việc tại Bắc Kinh, sau đó thăm chính thức tỉnh Quảng Tây và dự khai mạc Hội chợ Trung Quốc - ASEAN lần thứ 12 (CAEXPO 12).

Quan hệ giữa các địa phương được tăng cường với nhiều hình thức và thiết thực. Hai bên đã tiến hành họp 6 phiên họp Ủy ban công tác liên hợp giữa 04 tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn,

Quảng Ninh, Hà Giang (Việt Nam) và Quảng Tây (Trung Quốc) và 04 phiên họp Nhóm công tác liên hợp giữa 04 tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang (Việt Nam) và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc); tiến hành họp 03 kỳ Hội nghị kiểm điểm tình hình hợp tác giữa các Bộ/ngành, địa phương Việt Nam với tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc, 6 kỳ họp Hội nghị hợp tác hành lang kinh tế 5 tỉnh, thành phố Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.

Ngoài các Tổng lãnh sự quán tại Quảng Châu, Nam Ninh, Côn Minh, Hồng Kông, tháng 11/2007, Việt Nam đã mở thêm Văn phòng Lãnh sự tại Thượng Hải trực thuộc Đại sứ quán ta tại Bắc Kinh.

Hai bên đồng thời tích cực trao đổi, phối hợp lập trường trên nhiều vấn đề quốc tế và các vấn đề khác của HĐBA/LHQ nhất là sau khi Việt Nam trở thành thành viên không thường trực HĐBA/LHQ.

2. Quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại

Bảng 1: Kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam – Trung Quốc, giai đoạn từ 2011-7T/2015

Đvt: USD

| Năm | VN Xuất | VN Nhập | Tổng kim ngạch hai chiều |
|---------|----------------|----------------|--------------------------|
| 2011 | 11.126.590.592 | 24.593.718.707 | 35.720.309.299 |
| 2012 | 12.387.816.626 | 28.784.773.963 | 41.172.590.589 |
| 2013 | 13.233.038.164 | 36.937.850.105 | 50.170.888.269 |
| 2014 | 14.930.874.943 | 43.710.607.222 | 58.641.482.165 |
| 7T/2014 | 8.595.834.595 | 23.480.481.420 | 32.076.316.015 |
| 7T/2015 | 9.371.077.435 | 28.312.993.908 | 37.684.071.343 |

Nguồn: Tổng cục Hải quan, 8/2015

Hiện nay Trung Quốc đã trở thành bạn hàng thương mại hàng đầu của Việt Nam. Năm 2011, kim ngạch mậu dịch song phương đạt 35,7 tỷ USD (xuất hơn 11,1 tỷ USD; nhập hơn 24,5 tỷ USD). Tuy nhiên, kim ngạch thương mại hai chiều Việt-Trung chỉ chiếm phần rất nhỏ trong tổng kim ngạch ngoại thương của Trung Quốc, đáng chú ý là từ năm 2011 đến 2014, Việt Nam liên tục nhập siêu từ Trung Quốc với mức độ tăng rõ rệt (tốc độ tăng trưởng xuất khẩu từ 2011 đến 2014 là 25,4% trong khi tốc độ tăng trưởng nhập khẩu là 43,7%). Trong 7 tháng đầu năm 2015 nhập siêu là 18,9 tỷ USD, trong khi đó nhập siêu cùng kỳ năm trước là 14,8 tỷ USD. Như vậy, tốc độ tăng trưởng nhập siêu của Việt Nam nhập khẩu hàng hóa từ Trung Quốc tăng 21,6% so với 7 tháng đầu năm 2014. Cả hai bên đặc biệt là phía Trung Quốc đã có những nỗ lực và cam kết nhằm giải quyết tình hình mất cân bằng.

Các mặt hàng Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc chủ yếu là dầu thô, hàng nông sản thô, thủy-hải sản, khoáng sản, lâm sản, hàng dệt may, giày dép, hàng điện tử vi tính. Trung Quốc nhập vào Việt Nam xăng dầu, sắt thép, nguyên phụ liệu dệt may-da-giày, phân bón, thiết bị và linh kiện ô tô, xe máy, thiết bị máy móc...

Theo số liệu thống kê của Tổng Cục Hải quan Việt Nam trong năm 2012, tổng kim ngạch thương mại hai nước đạt hơn 41,1 tỷ USD tăng 13,24% so với năm 2011. Năm 2013 kim ngạch thương mại hai nước tăng trưởng rất tốt tổng kim ngạch đạt hơn 50,1 tỷ USD, nhưng Việt Nam vẫn là nước nhập siêu gần 9 tỷ USD, tốc độ tăng trưởng thương mại đạt 17,9%. Năm 2014, là năm có biến động về biên giới biển đảo nhưng cũng không ảnh hưởng nhiều tới kim ngạch hai chiều của hai nước cụ thể tổng kim ngạch vẫn tăng trưởng đều và không có biến động lớn, tổng kim ngạch đạt hơn 58,6 tỷ và tốc độ tăng trưởng đạt 14,44%. Theo số liệu sơ bộ của Tổng Cục Hải quan tính đến hết tháng 7 năm 2015 kim ngạch thương mại giữa hai nước đạt hơn 37,6 tỷ USD tốc độ tăng trưởng thương mại so với cùng kỳ năm trước đạt 14,8%.

Tháng 10/2006, hai bên đã ký Hiệp định về phát triển sâu rộng quan hệ kinh tế thương mại. Để triển khai thực hiện Hiệp định này, tháng 10/2011 hai bên đã ký "Quy hoạch phát triển 5 năm hợp tác kinh tế thương mại Việt - Trung" giai đoạn 2012 - 2016, xác định các lĩnh vực và dự án hợp tác trọng điểm, nâng cao hơn nữa quy mô và mức độ hợp tác kinh tế thương mại, đồng thời đưa ra một số giải pháp cụ thể, trong đó có các biện pháp hướng tới giải quyết vấn đề nhập siêu.

Trong các cuộc gặp gỡ, Lãnh đạo cấp cao hai nước đã trao đổi các biện pháp nhằm thực hiện mục tiêu nâng kim ngạch song phương đi đôi với cải thiện cán cân thương mại. Để thúc đẩy hơn nữa xuất nhập khẩu, dịp Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh thăm Trung Quốc (30/5-2/6/2008), hai bên đã ký kết Hiệp định kiểm dịch động vật và Hiệp định kiểm dịch thực vật. Tháng 4 năm 2015 Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng thăm chính Trung Quốc và hai bên đã nhất trí bàn các biện pháp giảm khoảng cách nhập siêu.

Tại kỳ họp phiên thứ 8 Ủy ban hợp tác kinh tế thương mại song phương Việt Nam - Trung Quốc hồi tháng 6/2015, hai bên cho rằng quan hệ buôn bán hai nước đã có bước phát triển mạnh, tuy nhiên vẫn chưa tương xứng với tiềm năng của cả hai bên. Hai bên thống nhất cần ủng hộ và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tăng cường hợp tác với nhau.

Bảng 2: Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Trung Quốc 7 tháng đầu năm 2015
 Dvt: USD

| STT | Mặt hàng xuất khẩu | Kim ngạch xuất khẩu |
|-----|-------------------------------------|---------------------|
| 1 | Hàng thủy sản | 229.846.385 |
| 2 | Hàng rau quả | 552.881.586 |
| 3 | Hạt điều | 160.632.405 |
| 4 | Cà phê | 43.172.329 |
| 5 | Chè | 7.714.376 |
| 6 | Gạo | 541.415.322 |
| 7 | Sắt và các sản phẩm từ sắt | 778.620.592 |
| 8 | Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc | 25.819.722 |
| 9 | Thức ăn gia súc và nguyên liệu | 73.480.652 |

| | | |
|----|--|----------------------|
| 10 | Quặng và khoáng sản khác | 64.276.569 |
| 11 | Dầu thô | 365.204.323 |
| 12 | Xăng dầu các loại | 101.187.189 |
| 13 | Hóa chất | 122.642.038 |
| 14 | Sản phẩm hóa chất | 43.109.476 |
| 15 | Chất dẻo nguyên liệu | 117.659.363 |
| 16 | Sản phẩm từ chất dẻo | 28.795.590 |
| 17 | Cao su | 361.817.453 |
| 18 | Sản phẩm từ cao su | 37.907.825 |
| 19 | Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù | 71.946.535 |
| 20 | Sản phẩm mây, tre, cói và thảm | 2.436.163 |
| 21 | Gỗ và sản phẩm gỗ | 499.320.860 |
| 22 | Giấy và các sản phẩm từ giấy | 1.569.309 |
| 23 | Xơ, sợi dệt các loại | 791.314.977 |
| 24 | Hàng dệt, may | 340.597.359 |
| 25 | Vải màn, vải kỹ thuật khác | 4.634.527 |
| 26 | Giày dép các loại | 430.169.273 |
| 27 | Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày | 128.303.328 |
| 28 | Sản phẩm gốm, sứ | 1.263.668 |
| 29 | Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh | 52.298.131 |
| 30 | Sắt thép các loại | 2.822.150 |
| 31 | Sản phẩm từ sắt thép | 25.840.672 |
| 32 | Kim loại thường khác và sản phẩm | 13.315.310 |
| 33 | Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện | 1.449.022.944 |
| 34 | Điện thoại các loại và linh kiện | 259.169.864 |
| 35 | Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện | 612.801.868 |
| 36 | Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác | 379.102.320 |
| 37 | Dây điện và dây cáp điện | 97.073.023 |
| 38 | Phương tiện vận tải và phụ tùng | 63.277.371 |
| 39 | Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ | 4.401.863 |
| 40 | Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận | 13.487.875 |
| | Tổng XK | 9.371.077.435 |

Nguồn: Tổng Cục Hải quan, 8/2015

Bảng 3: Nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ Trung Quốc 7 tháng đầu năm 2015

Đvt: USD

| STT | Mặt hàng nhập khẩu | Kim ngạch nhập khẩu |
|-----|--|---------------------|
| 1 | Hàng thủy sản | 31.604.889 |
| 2 | Hàng rau quả | 79.517.414 |
| 3 | Dầu mỡ động thực vật | 3.534.000 |
| 4 | Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc | 5.398.627 |
| 5 | Chế phẩm thực phẩm khác | 20.162.854 |
| 6 | Thức ăn gia súc và nguyên liệu | 120.044.722 |
| 7 | Nguyên phụ liệu thuốc lá | 16.233.669 |
| 8 | Quặng và khoáng sản khác | 34.941.668 |
| 9 | Than đá | 65.313.903 |
| 10 | Xăng dầu các loại | 534.261.680 |
| 11 | Khí đốt hóa lỏng | 117.528.511 |
| 12 | Sản phẩm khác từ dầu mỏ | 41.933.383 |
| 13 | Hóa chất | 582.248.041 |
| 14 | Sản phẩm hóa chất | 398.706.270 |
| 15 | Nguyên phụ liệu dược phẩm | 113.098.334 |
| 16 | Dược phẩm | 29.368.920 |
| 17 | Phân bón các loại | 362.838.638 |
| 18 | Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh | 20.687.167 |
| 19 | Thuốc trừ sâu và nguyên liệu | 243.174.581 |
| 20 | Chất dẻo nguyên liệu | 302.995.554 |
| 21 | Sản phẩm từ chất dẻo | 615.144.111 |
| 22 | Cao su | 22.819.201 |
| 23 | Sản phẩm từ cao su | 111.137.694 |
| 24 | Gỗ và sản phẩm gỗ | 143.944.968 |
| 25 | Giấy các loại | 145.643.898 |
| 26 | Sản phẩm từ giấy | 121.474.675 |
| 27 | Bông các loại | 2.791.989 |
| 28 | Xơ, sợi dệt các loại | 351.890.559 |
| 29 | Vải các loại | 2.982.760.955 |
| 30 | Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày | 1.033.539.986 |
| 31 | Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh | 114.062.718 |
| 32 | Đá quý, kim loại quý và sản phẩm | 27.160.170 |
| 33 | Sắt thép các loại | 2.422.113.742 |
| 34 | Sản phẩm từ sắt thép | 843.917.077 |
| 35 | Kim loại thường khác | 577.672.655 |
| 36 | Sản phẩm từ kim loại thường khác | 126.651.889 |

| | | |
|----|--|-----------------------|
| 37 | Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện | 2.815.068.900 |
| 38 | Hàng điện gia dụng và linh kiện | 150.870.330 |
| 39 | Điện thoại các loại và linh kiện | 3.886.254.944 |
| 40 | Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện | 520.525.005 |
| 41 | Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác | 5.261.407.061 |
| 42 | Dây điện và dây cáp điện | 294.517.257 |
| 43 | Ô tô nguyên chiếc các loại | 695.627.428 |
| 44 | Linh kiện, phụ tùng ô tô | 406.604.405 |
| 45 | Phương tiện vận tải khác và phụ tùng | 54.222.546 |
| | Tổng NK | 28.312.993.908 |

Nguồn: Tổng cục Hải quan, 8/2015

3. Hợp tác đầu tư

Các nhà đầu tư Trung Quốc bắt đầu vào Việt Nam từ tháng 8/1999 với 2 dự án có tổng vốn 15,35 triệu USD đầu tư xây dựng chợ Sắt (Hải Phòng) và kinh doanh nhà hàng ăn Trung Quốc (Hà Nội). Quan hệ hợp tác đầu tư có bước phát triển mới, tính đến hết năm 2013. Năm 2015, hiện nay Trung Quốc có 1.082 dự án đầu tư tại Việt Nam, tổng vốn đăng ký lũy kế đạt 7,94 tỷ USD, đứng thứ 9/101 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư tại Việt Nam. Trong những năm qua, Trung Quốc đã không ngừng tăng quy mô tín dụng ưu đãi dành cho Việt Nam. Đến nay, Trung Quốc đã cho ta vay 1,6 tỷ USD ưu đãi tập trung vào những lĩnh vực công nghiệp, khai khoáng, đường sắt, năng lượng, dệt may, hoá chất... Ngoài tín dụng ưu đãi, Chính phủ Trung Quốc còn hỗ trợ Việt Nam nhiều khoản viện trợ không hoàn lại dùng vào việc tổ chức các đoàn tham quan, khảo sát kinh nghiệm phát triển kinh tế xã hội ở Trung Quốc; giao lưu thanh thiếu niên; đầu tư trang thiết bị cho một số bệnh viện tại Việt Nam; xây dựng khu nhà ở Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Lãnh đạo cấp cao hai nước đã dành nhiều thời gian trao đổi các biện pháp nhằm thực hiện mục tiêu duy trì đà tăng trưởng kim ngạch song phương đi đôi với cải thiện cán cân thương mại. Hai bên đã ký “Quy hoạch phát triển 5 năm hợp tác kinh tế thương mại Việt - Trung giai đoạn 2012 - 2016” dịp Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng thăm Trung Quốc (10/2011), ký Bản ghi nhớ Danh mục các dự án hợp tác trọng điểm kèm Quy hoạch vào dịp Phiên họp lần 6 Ủy ban Chỉ đạo hợp tác song phương Việt Nam - Trung Quốc (4/2013). Trong chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng Lý Khắc Cường, hai bên đã nhất trí thúc đẩy hợp tác kinh tế - thương mại với trọng tâm là hợp tác xây dựng một số dự án tiêu biểu có quy mô lớn về cơ sở hạ tầng, kết nối giao thông; tiếp tục áp dụng các biện pháp đảm bảo thúc đẩy quan hệ thương mại phát triển cân bằng, lành mạnh, hoàn thành trước thời hạn mục tiêu kim ngạch thương mại đạt 60 tỷ USD năm 2015; tăng cường phối hợp và hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, nhất là hợp tác trong việc phòng ngừa tác động của khủng hoảng tài chính tiền tệ quốc tế, giữ vững an ninh tiền tệ ở mỗi nước. Để thực hiện các nhiệm vụ này, hai bên nhất trí thành lập *Nhóm công tác hợp tác về cơ sở hạ tầng* và *Nhóm công tác về hợp tác tiền tệ*.

Quy mô các dự án đầu tư trung bình cho mỗi dự án đầu tư của Trung Quốc chưa đến 7,34 triệu USD/dự án – đây là mức thấp so với trung bình của các nhà đầu tư khác tại Việt Nam. Tính đến cuối tháng 11 năm 2014 các dự án đầu tư của Trung Quốc tập trung chủ yếu trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo với 744 dự án, tổng vốn đăng ký là 4,23 tỷ USD, chiếm 53,3% tổng vốn đầu tư; tiếp theo là lĩnh vực sản xuất điện, khí nước, điều hòa với tổng số vốn đăng ký là 2,04 tỷ USD chiếm 25,8 % tổng vốn đầu tư. Lĩnh vực xây dựng đứng thứ 3 với 99 dự án, tổng số vốn đăng ký là 561,1 triệu USD. Còn lại là các dự án đầu tư trong các lĩnh vực khác.

Vốn đầu tư của Trung Quốc tập trung chủ yếu theo hình thức 100% vốn nước ngoài với 816 dự án, tổng vốn đầu tư 4 tỷ USD, chiếm 50,4% tổng vốn đăng ký; tiếp theo là hình thức hợp đồng BOT với 3 dự án, tổng vốn đầu tư 2,32 tỷ USD, chiếm 29,3% tổng vốn đầu tư; hình thức liên doanh đứng thứ 3 với 221 dự án tổng số vốn đăng ký là 1,5 tỷ USD chiếm 19,1% tổng vốn đầu tư. Hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh có 32 dự án với tổng vốn đầu tư 58,6 triệu USD, chiếm 0,7% tổng vốn đầu tư; 10 dự án còn lại là công ty cổ phần. Trung Quốc hiện đã có đầu tư tại 55/63 tỉnh, thành phố của Việt Nam nhưng chủ yếu tập trung vào các địa phương có điều kiện cơ sở hạ tầng tương đối thuận lợi.

Bình Thuận là địa phương đứng đầu về vốn đầu tư, Trung Quốc chỉ đầu tư 5 dự án nhưng tổng số vốn là 2,02 tỷ USD chiếm 0,4% số dự án, nhưng chiếm đến 25,5% vốn đầu tư đăng ký. Đứng thứ hai là tỉnh Lào Cai có số vốn đầu tư là 803,1 triệu USD chiếm 10,1% tổng vốn đầu tư; Tây Ninh đứng thứ ba với 27 dự án và tổng vốn đăng ký trên 727 triệu USD, chiếm 9,2% tổng vốn đầu tư; Quảng Ninh đứng thứ tư với vốn đầu tư đăng ký là 473 triệu USD chiếm 6% tổng vốn đầu tư. Tiếp theo là Bình Dương, Hải Phòng, Hà Nội và các địa phương khác.

Đối với các tỉnh khu vực biên giới phía Bắc như: Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên các nhà đầu tư Trung Quốc đầu tư tập trung chủ yếu vào các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và khai khoáng.

Dự án tiêu biểu của Trung Quốc tại Việt Nam:

- Dự án Công ty Điện lực Vĩnh Tân 1 tại tỉnh Bình Thuận với tổng vốn đầu tư 2,01 tỷ USD, mục tiêu của dự án là xây dựng, vận hành và chuyển giao nhà máy nhiệt điện đốt than tại Vĩnh Tân.
- Dự án Công ty TNHH lốp xe Việt Luân với tổng vốn đầu tư 400 triệu USD tại Khu công nghiệp Tây Ninh.
- Dự án Công ty TNHH Tân Cao Thâm tại Lào Cai với tổng vốn đầu tư 337,5 triệu USD. Với mục tiêu của dự án là xây dựng nhà máy chế biến cao su thiên nhiên thành cao su tổng hợp.
- Dự án Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt-Trung tại Lào Cai với tổng vốn đầu tư 337,5 triệu USD. Mục tiêu của dự án là khai thác mỏ sắt Quý Sá và sx thép.

Đầu tư của Việt Nam sang Trung Quốc:

Tính đến nay Việt Nam mới có 13 dự án đầu tư sang Trung Quốc với tổng vốn đăng ký là 15,93 triệu USD chủ yếu tập trung trong lĩnh vực sản xuất và dịch vụ. Đáng kể nhất là 2 dự án sản xuất, kinh doanh sản phẩm cân đồng hồ lò xo của công ty TNHH Thương mại Nhơn Hòa (vốn đăng ký 6 triệu USD). Dự án xây dựng khu thương mại của công ty CP XNK Việt Trang (vốn đăng ký 3 triệu USD).

IV. Một số điều cần biết khi kinh doanh với Trung Quốc

1. Các quy định về xuất nhập khẩu

Theo Luật Ngoại thương sửa đổi tháng 4/2004, hàng hóa và công nghệ nhập khẩu sẽ được chia thành 4 danh mục sau: Cấm nhập khẩu, hạn chế nhập khẩu, tự do nhập khẩu, hạn ngạch thuế quan. Trong đó, để hạn chế số lượng đối với hàng hóa, Trung Quốc sẽ vẫn sử dụng hạn ngạch và giấy phép, còn đối với các sản phẩm công nghệ thì chỉ dùng giấy phép. Về nguyên tắc, hàng hóa tự do nhập khẩu có nghĩa là không chịu bất kỳ sự kiểm soát nào, song để nắm bắt được tình hình và số lượng nhập khẩu, Sở Ngoại thương Trung Quốc dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Nhà nước sẽ ban hành danh mục và hệ thống cấp phép tự động cho những hàng hóa này. Đối với nhập khẩu công nghệ, kể cả công nghệ thuộc danh mục nhập khẩu tự do, nhà nhập khẩu phải có đăng ký và tiến hành các thủ tục theo hợp đồng bắt buộc.

1.1 Các mặt hàng cấm nhập khẩu

Danh mục hàng cấm nhập khẩu do ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện phối hợp các ngành hữu quan của Quốc vụ viện cùng xây dựng, điều chỉnh và công bố.

Những mặt hàng cấm nhập khẩu vào Trung Quốc gồm:

- Các loại vũ khí khác nhau, chất nổ;
- Tiền giả và các loại chứng khoán giả;
- Ấn phẩm, phim ảnh, những phương tiện truyền thông tác động xấu đến tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá và những giá trị đạo đức của Trung Quốc;
- Các chất độc hại;
- Thuốc phiện, moóc phin, hê-ro-in, bò đà, các loại thuốc gây nghiện;
- Các loài động thực vật và sản phẩm liên quan có mang mầm bệnh, sâu rầy và các sinh vật sống có hại khác;
- Thực phẩm, dược phẩm và những hàng hóa khác đến từ những khu vực đang bị dịch bệnh;
- Các loại thực phẩm, thuốc men có hại đến sức khỏe của con người và vật nuôi hay mang mầm bệnh, xuất xứ từ các vùng bị bệnh truyền nhiễm tấn công;
- Đồng nhân dân tệ RMB; và
- Thực phẩm có chứa một số loại phẩm màu và các chất phụ gia có hại cho sức khỏe con người do Bộ Y tế công bố.

1.2 Hạn chế nhập khẩu

Danh mục hàng hóa hạn chế nhập khẩu do ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện phối hợp các ngành hữu quan của Quốc vụ viện cùng xây dựng, điều chỉnh và công bố.

Danh mục hàng hóa hạn chế nhập khẩu, phải được công bố ít nhất 21 ngày trước khi có hiệu lực. Trong trường hợp khẩn cấp, phải được công bố không muộn hơn ngày có hiệu lực.

Những hàng hóa hạn chế nhập khẩu theo quy định của Nhà nước hạn chế về số lượng được quản lý theo hạn ngạch, những hàng hóa hạn chế nhập khẩu khác được quản lý theo giấy phép.

Những hàng hóa hạn chế nhập khẩu được quản lý theo hạn ngạch do ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện và các ngành quản lý kinh tế hữu quan của Quốc vụ viện quản lý theo chức năng và nhiệm vụ của mình được quy định của Quốc vụ viện.

Đối với những hàng hóa hạn chế nhập khẩu được quản lý theo giấy phép, người kinh doanh nhập khẩu phải nộp đơn xin phép với ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện hoặc ngành hữu quan Quốc vụ viện. Ngành quản lý giấy phép nhập khẩu phải có quyết định cấp hoặc không cấp giấy phép trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn xin.

Những mặt hàng hạn chế nhập khẩu vào Trung Quốc bao gồm:

- Gỗ
- Vải polyeste (vải nhân tạo dùng may quần áo)
- Cao su thiên nhiên
- Thuốc lá
- Cotton
- Xe cộ
- Thiết bị gia dụng
- Xe tải cần trục
- Lúa gạo
- Đường
- Dầu thực vật
- Cac-bo-nat, đồ uống chứa cồn
- Chất hóa học dùng trong nông nghiệp

1.3 Chính sách quản lý Xuất Nhập khẩu bằng hạn ngạch

Trung Quốc đã ban hành một loạt các biện pháp quản lý hành chính đối với xuất nhập khẩu phù hợp với các cam kết của WTO từ năm 2001 bao gồm: Các Quy định về Quản lý hành chính đối với Hàng hóa Xuất nhập khẩu, Các biện pháp Quản lý Nhập khẩu hàng Cơ khí và Điện tử, Biện pháp Quản lý Các đơn vị Nhập khẩu một số loại hàng hóa, Biện pháp Quản lý Giấy phép Nhập khẩu Tự động, Quy chế Quản lý Hạn ngạch nhập khẩu Hàng điện tử và Cơ khí và Luật Thương mại sửa đổi có hiệu lực từ tháng 4 năm 2004. Các quy tắc này đã tạo ra một khung pháp lý để quản lý hạn ngạch và giấy phép đối với hàng hóa xuất nhập khẩu. Về nguyên tắc, các mặt hàng tự do nhập khẩu thì không phải chịu bất kỳ một hạn chế nào. Tuy nhiên, do yêu cầu quản lý hàng nhập khẩu, Trung Quốc đã thiết lập hệ thống cấp phép tự động cho một số mặt hàng nhập khẩu tự do và đã đưa ra các văn bản hướng dẫn về hệ thống này. Từ ngày 1 tháng 4 năm 2007, Chính phủ Trung Quốc đã ban hành quy định về cấp phép nhập khẩu đối với 338 mặt hàng, yêu cầu các nhà nhập khẩu Trung Quốc cần phải xin giấy phép nhập khẩu tự động. Bộ Thương mại và Tổng cục thuế Trung Quốc có trách nhiệm quyết định mặt hàng nào thuộc Danh mục các mặt hàng được phép nhập khẩu tự động. Những mặt hàng thuộc danh mục này không bị hạn chế nhập khẩu, tuy nhiên vẫn do Bộ Thương mại Trung Quốc quản lý. Các mặt hàng công nghệ nhập khẩu được xếp vào loại hàng nhập khẩu tự do thì cần phải thực hiện các thủ tục đăng ký và xuất trình hợp đồng đầy đủ. Các mặt hàng hóa và công nghệ quản lý bằng hạn ngạch và giấy phép cần phải có giấy chấp thuận trước của Bộ Thương mại hoặc của các cơ quan đại diện được chỉ định. Với các

mặt hàng chịu sự quản lý bằng giấy phép tự động, người giao hàng cần phải đăng ký giấy phép tự động trước khi khai báo hải quan và có được sự chấp thuận của Bộ Thương mại hoặc cơ quan đại diện chỉ định.

1.4 Các mặt hàng cấm xuất khẩu

- Gồm tất cả các mặt hàng bị cấm mang vào Trung Quốc đã nêu trên.
- Các mặt hàng làm nguy hại đến an ninh quốc gia.
- Các di sản văn hóa, cổ vật quý hiếm.
- Động thực vật có nguy cơ tuyệt chủng và các sản phẩm được sản xuất tại các trại lao động.
- Các mặt hàng vi phạm các nghĩa vụ quốc tế mà Trung Quốc đã cam kết thực hiện
- Xạ hương, chất kháng độc tìm thấy trong ruột động vật nhai lại (bezoar), đồng và hợp kim từ đồng và bạch kim, đây là các mặt hàng hiếm ở thị trường Trung Quốc.

1.5 Các mặt hàng hạn chế xuất khẩu

- Kim loại quý, gồm vàng, bạc và các sản phẩm làm từ vàng bạc;
- Tiền tệ Trung Quốc (NDT) mà mỗi du khách bị hạn chế mang theo chỉ 6.000 tệ mỗi lần rời khỏi Trung Quốc;
- Ngoại tệ và chứng khoán bằng ngoại tệ;
- Các thiết bị tiếp sóng radio và trang thiết bị viễn thông khác;
- Các loại thuốc cổ truyền quý hiếm của Trung Quốc;
- Đồ cổ nói chung.

1.6 Chứng từ nhập khẩu

Thông thường, nhà nhập khẩu Trung Quốc (đại lý, hãng phân phối, đối tác liên doanh) tiến hành thu thập những chứng từ cần thiết liên quan đến việc nhập khẩu hàng hóa và xuất trình cho cơ quan Hải quan Trung Quốc. Chứng từ cần thiết cho mỗi loại hàng sẽ khác nhau, nhưng đều phải có những chứng từ bắt buộc sau:

- Vận đơn
- Hoá đơn thương mại
- Giấy chứng nhận xuất xứ
- Phiếu đóng gói
- Tờ khai hải quan
- Đơn bảo hiểm
- Hợp đồng

Những mặt hàng đặc biệt sẽ yêu cầu thêm các chứng từ sau:

- Hạn ngạch nhập khẩu
- Giấy phép nhập khẩu
- Chứng nhận giám định do Cơ quan Kiểm tra chất lượng, giám định và kiểm dịch Trung Quốc hoặc Chi nhánh tại địa phương cấp
- Giấy chứng nhận chất lượng hoặc Giấy chứng nhận an toàn sản phẩm khác...

- Yêu cầu 5 bản (1 bản gốc và 4 bản copy);
- Miêu tả đầy đủ chi tiết liên quan đến hàng hóa (số hóa đơn, tên địa chỉ nhà xuất khẩu, giá của hàng hóa (FOB), trọng lượng...);
- Tên địa chỉ đầy đủ của người mua hàng và đại lý tàu biển, hãng bảo hiểm;
- Hóa đơn phải được ký tay và phải được chứng thực là đúng của người gửi hàng hoặc đại lý.

Giấy chứng nhận xuất xứ: Yêu cầu bắt buộc để làm thủ tục thông quan đối với hàng hóa nhập khẩu.

Vận đơn: Không có yêu cầu đặc biệt. Phiếu gửi hàng được chấp nhận.

Phiếu đóng gói:

- Yêu cầu phải ghi đầy đủ nội dung của mỗi kiện hàng;
- Trên phiếu phải ghi rõ trọng lượng tịnh và trọng lượng tổng của kiện hàng.

Giấy chứng nhận đặc biệt:

- Giấy chứng nhận CCEE đối với các thiết bị điện và được cấp phát bởi Ủy ban liên quan của Trung Quốc.
- Kim loại, các chất hóa học và các mặt hàng tượng tự yêu cầu phải có giấy chứng nhận phân tích thành phần.
- Động vật, thực vật, các chế phẩm như vắc xin động vật, huyết thanh yêu cầu phải có giấy chứng nhận kiểm dịch từ nước xuất xứ nêu rõ nguồn gốc.

1.7 Giấy chứng nhận bắt buộc đối với một số sản phẩm

Giấy chứng nhận sản phẩm phần mềm: Phần cứng và phần mềm sử dụng để mã hóa và bảo mật dữ liệu yêu cầu phải có giấy chứng nhận phần mềm trước khi chúng được lưu thông trên thị trường Trung Quốc. Giấy chứng nhận này là một phần riêng biệt với các loại giấy chứng nhận đảm bảo chất lượng sản phẩm của Cơ quan giám định hàng xuất nhập khẩu Nhà nước.

Giấy chứng nhận giám định an toàn sản phẩm của Cơ quan giám định hàng xuất nhập khẩu Nhà nước (SACI): Những tiêu chuẩn giấy chứng nhận và giám định cụ thể cho mỗi một loại hàng hóa được qui định trong "Phụ lục những qui tắc và thủ tục hướng dẫn chi tiết thực hiện Hệ thống giấy chứng nhận an toàn hàng nhập khẩu". Hiện tại, SACI đã ban hành những phụ lục này cho các loại mặt hàng sau:

- Phụ tùng xe cơ giới;
- Xe máy, động cơ xe máy;
- Máy tính cá nhân, thiết bị hiển thị, thiết bị chuyển nguồn và máy in;
- Thiết bị viễn thông;
- Dụng cụ điện;
- Chi tiết bộ phận của máy giặt gia dụng, máy hút bụi, thiết bị chăm sóc tóc và da, nồi cơm điện, bàn là điện và lò bếp, máy chế biến thực phẩm, ấm đun nước;
- Máy hàn điện;

- Dụng cụ điện áp thấp;
- Thiết bị báo cháy;
- Thiết bị bảo vệ an toàn;
- Các chi tiết bộ phận của máy chẩn đoán y học X quang, máy phân tích máu, máy điều hoà nhịp tim, máy ghi điện tim, máy chẩn đoán siêu âm;
- Các chi tiết bộ phận của hệ thống kính an toàn tự động, bánh hơi, lốp xe máy;
- Đầu máy video và thiết bị thu thanh;
- Những chi tiết của tủ lạnh, máy điều hoà, máy nén động cơ, máy vô tuyến, máy chiếu hình

1.8 Quản lý hàng hóa trong khu thương mại tự do

Khu thương mại tự do là khu vực kinh tế được thành lập với sự đồng ý của Hội đồng Nhà nước, ở đó vẫn phòng hải quan thực hiện công tác kiểm tra và quản lý đặc biệt. Đây là khu vực kinh tế có mức độ mở cửa và tự do hóa cao nhất ở Trung Quốc ngày nay. Chức năng chính của khu thương mại tự do là quản lý việc kinh doanh hàng hóa tái xuất, chế biến hàng xuất khẩu và các kho ngoại quan.

Chính sách của Trung Quốc đối với các khu thương mại tự do là:

- Cho phép các doanh nghiệp trong khu thương mại tự do được tự do tiến hành các hoạt động thương mại với các công ty nước ngoài.
- Tất cả các loại hình hoạt động thương mại do các doanh nghiệp trong khu thương mại tự do (KTMTD) thực hiện kết hợp với các công ty Trung Quốc ngoài KTMTD sẽ được coi là các loại hình kinh doanh nước ngoài. Các công ty hoạt động trong KTMTD chỉ có thể ký hợp đồng thương mại với các công ty Trung Quốc có quyền kinh doanh các mặt hàng xuất nhập khẩu.
- Có 15 KTMTD như vậy được thành lập với sự đồng ý của Hội đồng Nhà nước từ tháng 6 năm 1990 đến nay.

1.9 Xuất nhập khẩu dược phẩm đặc biệt

Các sản phẩm máu: Trung Quốc cấm bất cứ đơn vị hay cá nhân nào nhập khẩu các sản phẩm máu. Trong trường hợp khẩn cấp cần để chữa bệnh, nhà nhập khẩu phải thông báo trước cho Cục Y tế của tỉnh thuộc sự quản lý của chính quyền trung ương để được phép nhập khẩu.

Việc xuất nhập khẩu các loại thuốc kích thích thần kinh và thuốc phóng xạ phải được kiểm tra và đồng ý bởi Bộ Y tế Trung Quốc.

Các loại thuốc gây mê: việc xuất nhập khẩu phải được kiểm tra và chấp thuận của Bộ Y tế Trung Quốc, cũng là cơ quan cấp giấy phép xuất nhập khẩu các mặt hàng này.

Tất cả các sản phẩm dược phẩm nhập khẩu phải được sự chấp thuận của Cơ quan quản lý thuốc quốc gia (SDA). Dược phẩm nhập khẩu phải đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn chất lượng của nước sản xuất, đồng thời phải phù hợp với yêu cầu GMP (Hệ thống quy định về thực tiễn sản xuất tốt – Good Manufacturing Practice) của Trung Quốc. Thủ tục đăng ký được tiến hành tại Cục Quản lý thuốc và phải thông qua sự kiểm tra trong Phòng thí nghiệm của

SDA nơi có cảng đến. Sau khi giám định chất lượng và tiến hành những kiểm tra cần thiết, SDA sẽ cấp một chứng chỉ đăng ký được phép nhập khẩu cho các loại dược phẩm nhập khẩu. Chứng chỉ này sẽ là giấy phép chính thức để đăng ký, nhập khẩu, kinh doanh và sử dụng dược phẩm nhập khẩu vào Trung Quốc.

Dược phẩm nhập khẩu phải được nhập từ cảng đã được chỉ định trước. Nhà nhập khẩu phải đăng ký và làm thủ tục nhập khẩu với Cơ quan quản lý ngay tại cảng này. Bất kỳ sự thay đổi nào trong mặt hàng, đơn hàng, nhãn mác phải thông báo ngay với SDA.

Khi dược phẩm về đến cảng nhập khẩu, doanh nghiệp nhập khẩu phải khai đầy đủ vào đơn giám định dược phẩm, sau đó nộp cùng với giấy đăng ký dược phẩm nhập khẩu và các giấy tờ liên quan khác cho cơ quan địa phương của tỉnh đó. Sau khi qua kiểm tra, Phòng thí nghiệm sẽ có kết quả giám định và nếu đạt yêu cầu sẽ cấp giấy thông quan cho sản phẩm đó.

Trường hợp không được phép thông quan, trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận báo cáo giám định, doanh nghiệp nhập khẩu có thể yêu cầu giám định lại nếu thấy kết quả giám định là không hợp lý. Nếu sau khi tiến hành kiểm tra lại, mà vẫn thấy không thỏa đáng, thì doanh nghiệp có thể trình lên Viện Quản lý dược phẩm và sinh học quốc gia để phân xử trong vòng 30 ngày kể từ ngày giám định lại.

1.10 Theo dõi xuất nhập khẩu và các biện pháp tạm thời

Ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện chịu trách nhiệm về việc theo dõi, đánh giá tình hình xuất nhập khẩu hàng hóa và định kỳ báo cáo với Quốc vụ viện về tình hình xuất nhập khẩu hàng hóa, đề xuất những kiến nghị.

Để duy trì sự cân bằng về cán cân thanh toán quốc tế, bao gồm khi mất cân bằng nghiêm trọng về thanh toán quốc tế hoặc bị đe dọa mất cân bằng nghiêm trọng, hoặc để giữ mức dự trữ ngoại tệ tương ứng với việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế, Nhà nước có thể áp dụng các biện pháp hạn chế tạm thời đối với giá trị hoặc số lượng hàng hóa nhập khẩu.

Để thực hiện một hoặc một số trong những biện pháp sau đây, khi cần thiết, Nhà nước có thể áp dụng các biện pháp tạm thời bằng mọi hình thức nhằm hạn chế nhập khẩu hàng nông sản, hàng thủy sản.

- Áp dụng các biện pháp hạn chế tạm thời cho việc sản xuất hoặc tiêu thụ trong nước đối với các sản phẩm tương đồng hoặc các sản phẩm cạnh tranh trực tiếp.
- Thông qua hình thức trợ cấp tiêu dùng, loại bỏ các sản phẩm tương đồng hoặc các sản phẩm cạnh tranh trực tiếp đã dư thừa ở trong nước.
- Áp dụng các biện pháp hạn chế sản xuất đối với các sản phẩm động vật (được hình thành bằng các nông sản và thủy sản) phải phụ thuộc toàn bộ hoặc chủ yếu vào nhập khẩu.

Có một trong những trường hợp sau đây, ngành chủ quản kinh mậu đối ngoại Quốc vụ viện có thể áp dụng các biện pháp tạm thời nhằm hạn chế hoặc cấm xuất khẩu về những hàng hóa nhất định:

- Tình hình khác thường khi xảy ra thiên tai nghiêm trọng, cần phải hạn chế hoặc cấm xuất khẩu.

Sự rối loạn nghiêm trọng trong trật tự kinh doanh xuất khẩu, cần phải hạn chế xuất khẩu.

1.11 Xúc tiến mậu dịch đối ngoại

Nhà nước áp dụng các biện pháp như:

- Bảo hiểm tín dụng xuất khẩu, cho vay tín dụng xuất khẩu, hoàn trả thuế xuất khẩu, lập quỹ phát triển ngoại thương,... thúc đẩy bước phát triển mậu dịch đối ngoại.
- Xúc tiến đổi mới kỹ thuật và tiến bộ kỹ thuật của các doanh nghiệp, nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp trên trường quốc tế, giúp các doanh nghiệp khai thác thị trường quốc tế thông qua các dịch vụ cung cấp thông tin và tư vấn.
- Khuyến khích các doanh nghiệp tích cực trong việc đối đáp các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp, đảm bảo và các biện pháp hạn chế khác của nước ngoài, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng trong thương mại.

1.12 Giám định và kiểm hóa hàng nhập khẩu

Luật pháp Trung Quốc bắt buộc tất cả các hàng hóa trong danh mục hàng hóa phải kiểm tra do Nhà nước ban hành, hay bắt buộc kiểm tra theo những điều luật và qui định khác, hoặc theo các điều khoản trong hợp đồng mua bán ngoại thương, phải được kiểm tra trước khi nhập khẩu, tiêu thụ hoặc sử dụng tại Trung Quốc.

Đối với hàng điện tử, cơ khí nhập khẩu đã qua sử dụng: loại trừ những sản phẩm nhập khẩu vì mục đích sử dụng đặc biệt, các mặt hàng đã qua sử dụng bị cấm nhập vào Trung Quốc. Với các sản phẩm đã qua sử dụng, trong các điều khoản của hợp đồng thương mại phải quy định rõ các vấn đề về bảo đảm sức khỏe, an toàn, bảo vệ môi trường và chứng từ giám định trước khi giao hàng lên tàu tại nước xuất khẩu. Doanh nghiệp nhập khẩu phải trình lên Cơ quan giám định ngay tại cảng nhập khẩu Báo cáo nhập khẩu các sản phẩm điện tử – cơ khí đã qua sử dụng bản sao các giấy tờ nhập khẩu trước khi làm thủ tục thông quan. Sau khi thông quan, trong một khoảng thời gian nhất định, doanh nghiệp nhập khẩu phải trình hóa đơn, vận đơn, danh sách mặt hàng và các giấy tờ quan trọng khác lên Cơ quan giám định của địa phương nơi hàng đến.

Ngoài ra, các mặt hàng nhập khẩu như thuốc men, thực phẩm, sản phẩm động thực vật, sản phẩm cơ khí và điện tử đều phải có giấy phép an toàn. Nhà nhập khẩu Trung Quốc hoặc các đại lý mua hàng của họ phải đăng ký kiểm hoá ở cảng đến. Phạm vi kiểm tra được cơ quan kiểm hoá địa phương tiến hành gồm yêu cầu về chất lượng sản phẩm, tính năng kỹ thuật, số lượng, trọng lượng, đóng gói, và những yêu cầu an toàn khác.

Tiêu chuẩn kiểm hoá chủ yếu dựa vào những tiêu chuẩn quốc gia bắt buộc, tiêu chuẩn nội thương, hoặc nếu không có thì dựa vào những tiêu chuẩn được qui định trong hợp đồng mua bán. Để đáp ứng những yêu cầu kiểm tra ở cảng đến, nhà xuất khẩu tốt nhất nên lấy giấy chứng nhận chất lượng của Trung Quốc trước khi chuyển hàng tới đây.

Quá trình cấp giấy chứng nhận chất lượng và độ an toàn có thể yêu cầu kiểm tra toàn bộ chuyên hàng và mất nhiều thời gian. Nếu sản phẩm của bạn bắt buộc phải có chứng nhận này, hãy liên hệ với:

Cơ quan quản lý Nhà nước về Kiểm dịch và Kiểm hoá (SAIQ)

Trụ sở: 15 Fangcaodi Xijie, quận Chaoyang, Bắc Kinh 100020 Trung Quốc

Điện thoại: (86-10)6599-4328

Fax: (86-10)6599-4306.

Quy định về miễn giám định hàng xuất nhập khẩu

- Hàng xuất nhập khẩu thuộc danh sách những mặt hàng yêu cầu phải giám định trước khi xuất nhập khẩu có thể được miễn giám định nếu có đơn xin miễn giám định hàng hóa của người nhận hàng, người gửi hàng hoặc các hãng sản xuất (sau đây gọi là người yêu cầu) và được cơ quan giám định hàng xuất nhập khẩu nhà nước kiểm tra và xác nhận. Người yêu cầu muốn xin miễn giám định cho hàng hóa của mình phải đáp ứng được các yêu cầu sau:
- Doanh nghiệp sản xuất xin miễn giám định hàng xuất nhập khẩu phải có hệ thống đảm bảo chất lượng hoàn hảo.
- Doanh nghiệp sản xuất tiến hành nhập khẩu hàng hóa phải được Cơ quan giám định hàng xuất nhập khẩu Nhà nước chứng nhận hoặc phải có Giấy chứng nhận cho hệ thống quản lý chất lượng do các tổ chức có liên quan được Hiệp hội chứng thực công nhận, cấp sau khi kiểm tra và đánh giá.
- Chất lượng của hàng xuất nhập khẩu xin miễn giám định phải luôn được giữ ở mức ổn định và phải đạt 100% mức tiêu chuẩn do các tổ chức giám định hàng hóa đặt ra trong suốt 3 năm liên tục.
- Người tiêu dùng Trung Quốc cuối cùng mua hàng nhập khẩu hay người tiêu dùng nước ngoài cuối cùng mua hàng Trung Quốc không khiếu nại đơn xin miễn giám định hàng xuất nhập khẩu.

Người yêu cầu sẽ không được chấp thuận đơn xin miễn giám định nếu xuất hoặc nhập hàng có liên quan đến những yêu cầu về an toàn và vệ sinh sản phẩm và những hàng hóa đặc biệt sau:

- Ngũ cốc và dầu thô, đồ chơi, mỹ phẩm và thiết bị điện;
- Hàng nhập khẩu phải có giấy chứng nhận chất lượng và an toàn sản phẩm;
- Hàng dễ bị giảm giá trị hoặc hàng rở;
- Những hàng hóa mà việc lập giá cả và tiến hành thanh toán phải được thực hiện căn cứ vào những bộ phận cấu thành sản phẩm ghi trên giấy chứng nhận giám định hàng hóa do hợp đồng yêu cầu;
- Những container kín dùng để xuất nhập khẩu hàng nguy hiểm.

Người yêu cầu muốn xin miễn giám định hàng hóa phải làm các thủ tục theo trình tự sau đây:

- Người yêu cầu phải điền đầy đủ và nộp đơn xin miễn giám định hàng hóa và những giấy tờ có liên quan cho Cơ quan giám định hàng xuất nhập khẩu Nhà nước (bao gồm: Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng; Tiêu chuẩn chất lượng; Tài liệu

về qui trình kỹ thuật; Giấy chứng nhận mức tiêu chuẩn giám định; Biên bản kiểm tra sơ bộ của cơ quan giám định hàng hóa và lời nhận xét của người tiêu dùng cuối cùng).

- Người yêu cầu miễn giám định chỉ được xuất trình đơn xin cùng các chứng từ kèm theo sau khi tổ chức giám định hàng hóa đã tiến hành giám định sơ bộ tại nơi sản xuất của doanh nghiệp phù hợp bộ qui tắc và qui định có liên quan.
- Từ ngày 1 tháng 1 năm 2008, Bộ Tài chính Trung Quốc đã áp dụng chính sách hạn ngạch xuất khẩu các sản phẩm phẩm từ lương thực như bột mì, bột ngũ cốc, bột gạo.

1.13. Vệ sinh y tế tại Cảng, cửa khẩu

Các quy định về vệ sinh y tế tại Cảng, cửa khẩu Trung Quốc:

Tại các cảng, cửa khẩu Trung Quốc có các bộ phận giám sát vệ sinh. Nhiệm vụ giám sát vệ sinh người và phương tiện giao thông, hàng hoá xuất nhập khẩu nhằm mục đích xoá bỏ và kiểm soát nguồn bệnh truyền nhiễm, phòng chống bệnh truyền nhiễm từ nước ngoài vào và từ Trung Quốc ra.

Đối tượng kiểm dịch vệ sinh y tế gồm: các phương tiện giao thông, khách xuất nhập cảnh nhằm phát hiện và xử lý vệ sinh đối với người và phương tiện đến từ vùng dịch bệnh truyền nhiễm; phát hiện bị nhiễm bản bệnh truyền nhiễm; phát hiện các động vật, côn trùng mang bệnh liên quan đến sức khoẻ nhân dân.

2. Chính sách thuế và thuế suất

Trung Quốc sử dụng thuế quan và thuế VAT đối với hàng nhập khẩu. Ngoài ra, một số mặt hàng còn phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Hải quan Trung Quốc chia các doanh nghiệp thương mại thành 4 loại: A, B, C và D dựa trên chỉ số tin cậy.

- Doanh nghiệp loại A được hưởng nhiều ưu đãi trong việc làm thủ tục hải quan, giám định và thông quan, giám định tại chỗ, dỡ hàng được bảo đảm; giám định thông qua hình thức chọn mẫu đối với những mặt hàng bắt buộc được ưu tiên thông báo trực tiếp thông qua mạng thông tin điện tử và được ưu tiên đăng ký hải quan.
- Doanh nghiệp loại B chịu sự quản lý thông thường.
- Doanh nghiệp loại C phải chịu sự kiểm soát và giám sát đặc biệt, ví dụ, phải đặt cọc với những hàng hóa có yêu cầu đảm bảo thuế quan, hoạt động kinh doanh bị giám sát chặt chẽ, hầu hết các hoạt động xuất nhập khẩu đều bị kiểm tra, và bắt buộc phải làm thủ tục thông báo hải quan ngay tại địa phương.
- Doanh nghiệp loại D bị quản lý nghiêm ngặt tất cả các hoạt động xuất nhập khẩu, có thể bị hoãn thông báo hải quan, gửi hàng, lưu kho, thậm chí bị cấm và phạt trong trường hợp phát hiện thấy doanh nghiệp này không đủ tư cách.

2.1 Thuế nhập khẩu

Thuế suất thuế nhập khẩu của Trung Quốc được tính dựa trên Hệ thống hài hòa thuế quan chung (HS). Thuế suất thuế nhập khẩu của Trung Quốc được phân làm hai loại: thuế suất chung (không MFN) và thuế suất tối huệ quốc (MFN) dành cho các nước Trung Quốc đã ký kết hiệp định thương mại. Thuế suất MFN được áp dụng với những nước đã ký hiệp định

thương mại hoặc các thỏa thuận tương trợ lẫn nhau với Trung Quốc, hoặc rộng hơn là các nước thành viên WTO. Thuế suất chung được áp dụng cho những nước không có thỏa thuận tương trợ lẫn nhau với Trung Quốc. Việt Nam nằm trong số các nước được hưởng mức thuế suất tối huệ quốc (MFN) của Trung Quốc và mức thuế theo Hiệp định thương mại tự do ASEAN-Trung Quốc (ACFTA). 5 Đặc khu kinh tế, các thành phố mở và các Khu ngoại thương có thể áp dụng việc giảm hoặc miễn thuế ưu đãi. Thuế suất thuế nhập khẩu của Trung Quốc rất đa dạng phụ thuộc vào loại hàng hóa, linh kiện và mục đích sử dụng của sản phẩm. Hầu hết thuế suất thuế nhập khẩu được áp theo giá hàng, được tính toán dựa trên tỷ lệ trị giá CIF của hàng hóa. Thuế suất trung bình cho hàng hóa nhập khẩu khoảng 9,8%, với các sản phẩm nông sản trung bình khoảng 15,3% và các mặt hàng công nghiệp trung bình khoảng 8,95%. Trung Quốc cũng đã thông qua chính sách miễn thuế nhập khẩu cho một số máy móc thiết bị nhằm khuyến khích nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và tăng cường đầu tư vào các ngành công nghệ cao mũi nhọn. Đôi khi, các công ty xuất khẩu nước ngoài có thể sẽ gặp một số khó khăn do việc áp dụng không thống nhất về phân loại thuế quan, thuế suất và quản lý nhập khẩu của các nhân viên hải quan địa phương.

2.2 Trị giá tính thuế

Theo qui định thuế quan của Trung Quốc, trị giá hàng hóa nhập khẩu để đánh thuế là giá CIF, bao gồm cả giá bán thông thường của hàng hóa cộng chi phí đóng gói, cước chuyên chở, phí bảo hiểm, và hoa hồng cho người bán.

2.3 Hoàn thuế với các mặt hàng xuất khẩu

Thủ tục về Quản lý Hoàn thuế (hay miễn thuế) đối với hàng hóa xuất khẩu của chính phủ Trung Quốc quy định rằng các doanh nghiệp được phép tham gia hoạt động xuất khẩu hàng hóa có thể nộp báo cáo hàng tháng lên Cục Thuế sau khi tiến hành xuất hàng theo đúng thủ tục tài chính và khai báo hải quan để xin hoàn thuế hoặc miễn thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu dùng.

Các loại hàng hóa khác áp dụng mức thuế GTGT 17% và các mặt hàng không phải nông sản áp dụng thuế GTGT 13% sẽ được hưởng tỉ lệ hoàn thuế là 13%.

Hàng nông sản được hưởng hoàn thuế 5%.

2.3 Thuế VAT

Người nộp thuế GTGT bao gồm các doanh nghiệp, cơ sở và các cá nhân tham gia bán hàng hóa, nhập khẩu hàng hóa và cung ứng dịch vụ trong phạm vi lãnh thổ của Trung Quốc.

Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và thuế suất GTGT:

| Hàng hóa dịch vụ | Thuế suất |
|--|-----------|
| Xuất khẩu hàng hóa (ngoại trừ một số hàng hóa quy định cụ thể) | 0% |
| Sản phẩm nông nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; Dầu ăn thực vật, lương thực; | 13% |

| | |
|--|-----|
| <p>Nước dùng cho sinh hoạt, cung cấp khí nóng, lạnh, nước nóng, gas, than, gas hóa lỏng, gas tự nhiên, gas metal, sản phẩm than đá, than củi sử dụng trong gia đình; Sách, báo, tạp chí; Thức ăn gia súc, phân bón, hóa chất nông nghiệp, máy móc nông nghiệp và màng nhựa sử dụng trong nông nghiệp; Sản phẩm khoáng kim loại, sản phẩm khoáng không kim loại, than đá.</p> | |
| <p>Dầu thô, muối mỏ và các hàng hóa không nằm trong danh mục trên, dịch vụ chế biến, sửa chữa và thay thế.</p> | 17% |

Phương pháp tính thuế:

Người nộp thuế nói chung:

Để tính thuế GTGT phải nộp, người nộp thuế phải tính thuế GTGT đầu vào và thuế GTGT đầu ra. Chênh lệch giữa thuế GTGT đầu ra và thuế GTGT đầu vào là khoản thuế GTGT phải nộp.

Công thức để tính thuế GTGT phải nộp như sau:

Thuế GTGT phải nộp = Thuế GTGT đầu ra – Thuế GTGT đầu vào.

Thuế GTGT đầu ra = Doanh thu bán hàng trong kỳ x thuế suất.

Người nộp thuế kinh doanh nhỏ:

Trước năm 2009, người kinh doanh nộp thuế trên doanh thu bán hàng, cung ứng dịch vụ theo thuế suất: 4% đối với lĩnh vực thương mại, 6% đối với lĩnh vực khác.

Kể từ năm 2009, người kinh doanh nộp thuế 3% trên doanh thu.

Công thức để tính thuế GTGT phải nộp là:

Thuế GTGT phải nộp = Doanh thu x thuế suất.

2.4 Hạn ngạch thuế quan

Cơ quan Quản lý xuất nhập khẩu, Trung Quốc, giống như nhiều thành viên của WTO, áp dụng hệ thống hạn ngạch thuế quan và thương mại Nhà nước phù hợp với quy định của WTO đối với các mặt hàng nhạy cảm, cụ thể đối với hàng nông sản bao gồm lúa mì, ngô, gạo, bông và dầu đỗ tương, dầu cọ, dầu hạt cải, đường, len và bông. Trung Quốc có nhiều loại hạn ngạch thuế quan dựa trên hệ thống thuế quan hai cấp. Thuế suất cho loại hạn ngạch nhập khẩu đặc biệt ở mức thấp và nếu nhập khẩu vượt hạn ngạch cho phép sẽ bị áp thuế suất cao hơn. Dưới đây là một số mặt hàng nông sản chịu hạn ngạch nhập khẩu: Len thô/ cuộn len; Đường; Bột mì; Bông; Gạo; Diammonium phosphate; U-rê và Phân bón tổng hợp NPK. Trung Quốc cũng cam kết đảm bảo tính minh bạch và thống nhất trong việc phân bổ hạn ngạch và các đối tượng được phân bổ hạn ngạch không bị cản trở trong việc sử dụng hạn

ngạch. Nếu không được sử dụng hết hạn ngạch thuế quan có thể được tái phân bổ cho đối tượng khác.

3. Quy định về bao gói, nhãn mác

Theo luật Trung Quốc về những tiêu chuẩn an toàn và chất lượng sản phẩm, một số mặt hàng nhập khẩu yêu cầu phải được giám định và chứng nhận phù hợp với những tiêu chuẩn bắt buộc của quốc gia, những tiêu chuẩn mậu dịch trong nước và những tiêu chuẩn qui định trong hợp đồng. Một sản phẩm nếu được cấp giấy chứng nhận chất lượng sẽ được dán nhãn an toàn sản phẩm.

Mọi hàng hóa lưu thông trên thị trường Trung Quốc đều phải có mác kèm theo các thông tin liên quan bằng tiếng Trung Quốc. Cơ quan Kiểm dịch Chất lượng và Y tế quốc gia yêu cầu hàng thực phẩm nhập khẩu như: kẹo, rượu, quả hạch, thực phẩm đóng hộp và pho mát phải được dán tem và chứng nhận an toàn sản phẩm trước khi cho xuất khẩu và nhập khẩu. Nhà nhập khẩu phải chịu phí dán nhãn có hình, và nhãn dính có hình chỉ được dính vào sản phẩm khi có sự đồng ý của Cơ quan SACI (Cơ quan Kiểm dịch hàng xuất nhập khẩu Nhà nước).

Dán nhãn hàng thực phẩm

Qui định về tiêu chuẩn dán nhãn hàng thực phẩm của Trung Quốc đã có hiệu lực từ 1/10/1995. Qui định này yêu cầu tất cả hàng thực phẩm đóng gói (ngoại trừ hàng rời) phải được dính nhãn bằng tiếng Trung Quốc ghi rõ loại sản phẩm, tên nhãn hiệu, tên thương mại, tên và địa chỉ của nhà sản xuất, nước xuất xứ, thành phần cấu thành, ngày sản xuất và hạn sử dụng. Qui định này áp dụng cho hàng nhập khẩu cũng như hàng nội địa đóng gói.

Dấu chứng nhận bắt buộc

Trong hệ thống chứng nhận an toàn của Chính phủ Trung Quốc áp dụng cho 135 loại sản phẩm. Với hệ thống này, các nhà sản xuất muốn xuất khẩu hoặc bán hàng ở Trung Quốc phải có được dấu CCC.

Dấu CCC



CCC là viết tắt của từ "China Compulsory Certification" (Chứng nhận bắt buộc của Trung Quốc). Đây là dấu an toàn và chất lượng mới nhất của Trung Quốc. Từ năm 1989, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã có hệ thống chứng chỉ an toàn gồm dấu CCIB cho sản phẩm của 47 loại hàng và CCEE "Great Wall" cho các mặt hàng điện với 7 loại. Do hệ thống chứng nhận phát triển nhanh trong những năm 1990, nhiều nước xuất khẩu đến Trung Quốc tỏ ra lúng túng với hai hệ thống chứng nhận như vậy, với việc thử nghiệm thừa và cách đối xử khác

nhau giữa hàng trong nước và hàng nhập khẩu. Vì lý do đó, dấu CCC ra đời là sự hợp nhất của hai dấu trên và kế thừa rất nhiều yêu cầu của các hệ thống chứng nhận trước đó. Cục Công nhận và Chứng nhận Trung Quốc (CNCA) chịu trách nhiệm quản lý hệ thống tiêu chuẩn mới vốn được phát triển để đáp ứng được những yêu cầu đặt ra cho việc Trung Quốc gia nhập vào WTO. Trung tâm Chứng nhận Chất lượng Trung Quốc (CQC) được chỉ định bởi CNCA để xử lý việc cấp dấu CCC.

Những sản phẩm phải có dấu CCC: Có 135 loại sản phẩm cần có dấu CCC. Danh sách chi tiết các mặt hàng này có thể tìm thấy ở: <http://www.cqc.com.cn/ccc/catalogureeng.pdf>

Quá trình xin cấp CCC có thể:

- kéo dài 60 đến 90 ngày hoặc lâu hơn;
- yêu cầu thử nghiệm tại một phòng thí nghiệm được công nhận ở Trung Quốc;
- thông thường không chấp nhận hình thức tự chứng nhận hoặc kết quả thử nghiệm của bên thứ 3;
- yêu cầu trình rất nhiều tài liệu kỹ thuật;
- yêu cầu gửi một sản phẩm mẫu đến phòng thí nghiệm ở Trung Quốc;
- yêu cầu có sự giám sát công ty của các chuyên viên Trung Quốc với chi phí do công ty xin cấp tự trả;
- yêu cầu có kiểm tra định kỳ sau đó khoảng 12 đến 18 tháng một lần;
- chi phí có thể đến vài ngàn đô la Mỹ.

Các bước để xin cấp dấu CCC

Bước 1: Xác định xem sản phẩm của mình có cần dấu CCC không

Hãy kiểm tra Danh mục của CNCA xem sản phẩm của bạn, hay bộ phận trong thành phẩm có yêu cầu phải có dấu CCC không. Danh mục gồm có 12 loại hàng với tất cả các sản phẩm cần có dấu CCC. Nếu những mô tả ngắn gọn trong danh mục không đủ để giúp bạn xác định được rằng sản phẩm của mình có cần CCC hay không thì bạn có hai lựa chọn khác:

- a) Xem "Nguyên tắc thi hành" (Implementation Rules) của CNCA được nêu trong bước 2. 47 nguyên tắc nhỏ này sẽ cung cấp những phạm vi ứng dụng, trong trường hợp nào đó có thể mô tả chi tiết hơn về sản phẩm cần có CCC.
- b) Xem "Thông báo 60" (Announcement 60), với bảng có kết nối đến Mã HS cho sản phẩm (xem www.cnca.gov.cn/board/bianmabiao.htm). Phần này chỉ có bằng tiếng Hoa, nhưng bạn có thể xác định mã HS cho sản phẩm của công ty bạn. Nếu bạn không biết mã HS của bạn, hãy kiểm tra ở hãng vận chuyển hàng hóa của bạn.

Phải luôn ý thức rằng bộ phận có trong thành phẩm nhiều khi cũng cần có dấu CCC. Thông thường, nhà sản xuất bộ phận cũng được yêu cầu có dấu CCC. Linh kiện hay phụ tùng thay thế cũng có thể cần có dấu CCC. Hãy yêu cầu đại lý người Trung Quốc giúp bạn về vấn đề này.

Bước 2: Nắm bắt các quy định thi hành

CNCA đã ban hành 47 "Nguyên tắc Thi hành cho Chứng nhận Bắt buộc". Các nguyên tắc có thể tìm thấy bằng tiếng Anh trên:

www.cnca.gov.cn/download/english.html. Các nguyên tắc này nêu ra rất nhiều tiêu chuẩn GB là Tiêu chuẩn quốc gia bắt buộc áp dụng của Trung Quốc. Tiêu chuẩn có thể tìm thấy ở:

WTO/TBT National Enquiry

Point Administration of Quality

Supervision, Inspection, and Quarantine People's Republic of China

Điện thoại: +86-10-856-22885

Fax: +86-10-856-22884

E-mail: tbt@aqsiq.gov.cn

Bước 3: Cân nhắc trước khi nộp đơn xin

Một số công ty để các đại lý hoặc cố vấn thực hiện việc xin cấp dấu CCC, một số khác thì tự làm hoặc nhờ nhà nhập khẩu hoặc phân phối làm. Hãy tham khảo các đối tác, các nhà phân phối người Trung Quốc hay người quản lý xuất khẩu của bạn, họ có thể có kinh nghiệm với dấu CCC và sẽ chỉ cho bạn đến những nguồn khác.

Bước 4: Nộp đơn

Nếu bạn chọn tự xử lý việc xin cấp dấu, hãy vào trang Web của Trung tâm chứng nhận chất lượng Trung Quốc (CQC) để xem hướng dẫn về việc nộp đơn xin cấp dấu CCC.

Việc nộp đơn gồm 5 bước:

- Nộp đơn. Gồm đơn xin và các tài liệu hỗ trợ như hướng dẫn sử dụng, báo cáo CB, báo cáo về EMC, nhãn quy định và các thông tin khác.
- Thử nghiệm loại. Một phòng thử nghiệm được CNCA chỉ định sẽ thử sản phẩm mẫu.
- Kiểm tra nhà máy. CQC sẽ cử đại diện đến kiểm tra các phương tiện sản xuất sản phẩm của bạn. Giả sử bạn có sản phẩm A được sản xuất từ 5 nhà máy khác nhau, bạn sẽ bị kiểm tra cả ở 5 nhà máy đó.
- Đánh giá kết quả chứng nhận, theo sau đó là công nhận hoặc không công nhận hoặc thử lại.
- Kiểm tra tiếp theo. Cứ 12-18 tháng thì đại diện của Trung Quốc sẽ kiểm tra nhà máy sản xuất sản phẩm đó.

Ghi chú những yêu cầu chứng nhận khác ở Trung Quốc: Giống như nhiều nước khác, Trung Quốc có nhiều sơ đồ chứng nhận khác nhau. Cho dù dấu CCC là yêu cầu chứng nhận phổ biến rộng khắp nhất nhưng sản phẩm của bạn vẫn có thể phải chịu nhiều yêu cầu khác, tùy sản phẩm, ví dụ như một số thiết bị y tế, thiết bị viễn thông. Nên tìm hiểu kỹ vấn đề này từ các đối tác Trung Quốc.

4. Quy định về kiểm dịch động thực vật

4.1 Hàng miễn kiểm dịch

Hàng miễn kiểm dịch phải đạt 3 tiêu chuẩn:

- Doanh nghiệp sản xuất phải có hệ thống chất lượng hoàn thiện và phải có sự giám sát, đồng ý của Cục kiểm nghiệm nhà nước và được cấp chứng nhận do Cơ quan kiểm tra chất lượng cấp.

- Doanh nghiệp sản xuất phải có sự chấp nhận của Ủy ban công tác về hệ thống ISO 9000.
- Chất lượng hàng miễn kiểm dịch phải ổn định lâu dài. Tỷ lệ hàng đạt tiêu chuẩn về kiểm dịch khi xuất khẩu phải đạt 100% liên tục trong 3 năm.

4.2 Hàng liên quan đến an toàn vệ sinh, bắt buộc kiểm dịch

Các mặt hàng này bao gồm:

- Lương thực, dầu ăn, thực phẩm, đồ chơi, mỹ phẩm, đồ điện.
- Những mặt hàng được xếp vào quản lý giấy phép an toàn chất lượng nhập khẩu.
- Hàng dễ biến chất hoặc hàng hóa rời.
- Hàng mà Hợp đồng quy định tỷ lệ, thành phần, hàm lượng trong giấy chứng nhận kiểm nghiệm hàng hóa cấp.
- Đồ đựng, đóng gói dùng trong hàng nguy hiểm trong xuất nhập khẩu.

5. Chính sách chống phá giá

Trong trường hợp một sản phẩm nhập khẩu, bằng việc bán phá giá hoặc trợ cấp, đã gây ra những thiệt hại đáng kể hoặc góp phần là mối đe dọa gây ra những thiệt hại đáng kể đến những ngành liên quan của Trung Quốc hoặc gây ra những rào cản nghiêm trọng đối với việc thiết lập những ngành liên quan tại Trung Quốc, những cơ quan chức năng liên quan của Chính phủ Trung Quốc có thể tiến hành những biện pháp chống phá giá hoặc chống trợ cấp theo Quy định chống phá giá và chống trợ cấp của nước CHND Trung Hoa.

Một nhà sản xuất nội địa có sản phẩm tương tự hoặc giống hệt sản phẩm nhập khẩu hoặc một tổ chức có liên quan có thể phát đơn kiện bán phá giá lên Bộ Ngoại thương và Hợp tác Kinh tế. Bộ này là một tổ chức có thẩm quyền nhận các đơn kiện xin điều tra về các vụ bán phá giá và sau khi thảo luận với Ủy ban Kinh tế và Thương mại Quốc gia sẽ quyết định xem có nên giải quyết và thông báo hai bên về các quyền lợi của mình.

Khi phát hiện hành động bán phá giá của các nhà sản xuất nước ngoài, gây ra những tổn thất cho công nghiệp trong nước, những biện pháp chống bán phá giá tạm thời sau đây được áp dụng:

- Áp đặt thuế chống phá giá tạm thời trong vòng 4 tháng từ ngày tuyên bố quyết định liên quan đến những biện pháp chống phá giá và có thể kéo dài tới 9 tháng trong những trường hợp đặc biệt.
- Yêu cầu có một quỹ đảm bảo bằng tiền mặt hoặc những hình thức đảm bảo khác.

Nhà xuất khẩu những sản phẩm bán phá giá hoặc chính phủ nước xuất khẩu có thể nộp đơn cam kết về giá lên Bộ Ngoại thương và Hợp tác Kinh tế. Sau khi thảo luận với Ủy ban Kinh tế và Thương mại Quốc gia, Bộ Ngoại thương và Hợp tác Kinh tế có thể quyết định chấp nhận những cam kết giá này hay không. Nếu không thể thực thi những cam kết này, quá trình điều tra bán phá giá sẽ lại được tiếp tục.

6. Quy định về tiêu chuẩn đối với hàng hóa và dịch vụ

Quy định về chế độ giấy phép an toàn chất lượng hàng nhập khẩu:

- Hàng liên quan đến an toàn vệ sinh, bảo vệ môi trường, bảo hộ lao động.
- Danh mục hàng nhập khẩu thực hiện chế độ giấy phép an toàn chất lượng do Cục Kiểm nghiệm xuất nhập khẩu Trung Quốc xây dựng và ban hành và được công bố trước 2 năm thi hành.
- Hàng thuộc "Danh mục" nhưng chưa được cấp giấy phép an toàn chất lượng thì không được nhập khẩu.
- Hàng chỉ được cấp giấy phép an toàn chất lượng khi đạt các yêu cầu sau:
 - Hàng phù hợp pháp luật, pháp quy hành chính và yêu cầu tiêu chuẩn quy định của Trung Quốc.
 - Các điều kiện sản xuất và kiểm nghiệm hàng hóa của doanh nghiệp phải đảm bảo hàng sản xuất ra phù hợp với yêu cầu của Trung Quốc.

7. Thành lập doanh nghiệp

Khi xin phép mở văn phòng/cơ quan đại diện, doanh nghiệp nước ngoài phải đệ trình những giấy tờ sau:

- Bản gốc tờ đơn được gửi đến MOFTEC và Hội đồng xúc tiến thương mại quốc tế của Trung Quốc (CCPIT). Trong đơn gửi đến MOFTEC và CCPIT, người làm đơn phải nêu rõ phạm vi kinh doanh của công ty, những lý do mở văn phòng/cơ quan đại diện, tên đầy đủ của trường đại diện được cử đến, vị trí muốn đặt văn phòng đại diện, kế hoạch các hoạt động kinh doanh chính trong khuôn khổ của các hoạt động liên lạc, tư vấn và thời gian hoạt động của văn phòng đại diện.
- Bản chứng nhận đăng kí của công ty đã chứng thực. Đồng thời đối với những công ty đóng tại Hồng Kông, yêu cầu phải cung cấp bản chứng nhận đăng kí kinh doanh đã được chứng thực.
- Bản gốc tờ tuyên bố thành lập cơ quan đại diện của ban giám đốc công ty làm đơn.
- Hồ sơ tóm tắt về công ty bao gồm các thông tin về quy mô kinh doanh, hoạt động và doanh số hàng năm.
- Bản gốc giấy chứng nhận của ban giám đốc công ty, trong đó nêu rõ việc chỉ định trường đại diện ở Trung Quốc.
- Bản gốc của bản cân đối tài chính công ty do ngân hàng mà trụ sở của công ty có tài khoản tại đó cấp.
- Bản gốc sơ yếu lý lịch của trường đại diện công ty, bao gồm các thông tin về trình độ học vấn và kinh nghiệm làm việc.
- Bản sao hộ chiếu nếu như trường đại diện là người nước ngoài. Nếu trường đại diện là người quốc tịch Trung Quốc thì yêu cầu công ty cung cấp bản gốc giấy chứng nhận do công ty dịch vụ các xí nghiệp nước ngoài cấp và bản sao chứng minh thư thường trú.
- Ba tờ mẫu đơn được điền giống hệt nhau về việc thành lập cơ quan đại diện của xí nghiệp nước ngoài.
- Ba tờ mẫu giống nhau ghi danh sách nhân viên của văn phòng đại diện cùng với 6 ảnh trường đại diện chụp cỡ ảnh hộ chiếu (2 inch). Nhà kinh doanh, sản xuất hay đại lý tàu biển phải làm đơn xin phép MOFTEC nếu muốn thành lập cơ quan thường trú; cơ quan ngân hàng hoặc bảo hiểm thì phải xin phép Ngân hàng Nhân dân Trung Hoa; cơ quan điều hành vận tải biển hoặc đại lý phải xin phép Bộ Giao thông; cơ quan vận

tài hàng không phải xin phép Ban quản lý chúng của CAAC; các cơ quan khác thì tùy theo loại hình kinh doanh mà xin phép các uỷ ban, bộ hay cục phù hợp.

Khi đã được sự phê duyệt của các cơ quan chính quyền liên quan thì sẽ đăng kí với ban quản lý công nghiệp và thương mại nhà nước của Chính phủ Trung ương hoặc Chính phủ địa phương liên quan. Khi các xí nghiệp nước ngoài đã được phê duyệt và đăng kí thì các quyền và lợi ích hợp pháp của họ sẽ được bảo vệ theo luật pháp liên quan.

Những nhà đầu tư hoặc doanh nghiệp nước ngoài không có kế hoạch mở văn phòng đại diện ngay ở Trung Quốc nhưng muốn mở thì có thể liên lạc với thành phố hoặc các cơ quan chi nhánh tỉnh của CCPIT để biết được những thủ tục cần thiết mở văn phòng đại diện tại địa phương.

8. Văn hóa kinh doanh

Giờ làm việc

- Ở Trung Quốc, giờ làm việc ở các cơ quan chính phủ thường kéo dài từ 8 giờ sáng đến 5 giờ chiều. Từ 12 đến 13:00 giờ là giờ nghỉ trưa. Mỗi tuần làm việc 5 ngày từ thứ 2 đến thứ 6.
- Giờ hành chính ở các ngân hàng thường kéo dài từ 9:00 sáng đến 12:00 trưa, và từ 13:00 đến 17:00. Một số ngân hàng đóng cửa vào thứ 2.
- Các cửa hàng bách hóa tổng hợp thường mở cửa vào 8:30 hay 9:00 sáng và đóng cửa vào 8:30 hay 9:30 buổi tối. Giờ làm việc ở đây có thể kéo dài hơn vào mùa hè.
- Các trung tâm thương mại, quán rượu và khách sạn mở cửa 24/24 mỗi ngày.

Nghị thức xã giao

Người Trung Quốc không thích đối tác tìm hiểu họ thông qua việc hỏi họ trực tiếp quá nhiều. Mặt khác, họ thường yêu cầu đối tác báo giá trước. Họ thích đối tác thông báo cho họ biết càng nhiều chi tiết càng tốt. Họ dễ dàng nghi ngờ nếu đối tác muốn giấu họ một số thông tin nào đó. Vì vậy, hãy tỏ ra chân thành và cởi mở khi cung cấp thông tin.

Người Trung Quốc thường thương lượng về giá cả sau cùng, họ luôn nài ép đòi thêm các phụ khoản (nhằm gián tiếp giảm giá) bằng cách chứng minh đối thủ cạnh tranh đã báo giá thấp hơn. Do đó, cần cân nhắc khi giảm giá, và đòi hỏi có sự điều chỉnh điều khoản khác của hợp đồng nếu phải giảm giá.

Họ thường dùng hợp đồng soạn sẵn (có lợi cho họ) để che chống mọi tình huống mà họ có thể nghĩ ra được và từ chối mọi đề nghị sửa đổi của đối tác. Tuy nhiên, họ lại ác cảm với từ ngữ pháp lý vì nó rắc rối và khó hiểu. Tốt nhất, nên có hai bản hợp đồng bằng tiếng Việt (hoặc tiếng Anh) và tiếng Hoa và quy định bản tiếng Việt (hoặc tiếng Anh) có giá trị pháp lý khi kiện cáo (vì dịch thuật có thể không khớp với nhau). Trong hợp đồng cần có điều khoản chọn Trọng tài và luật áp dụng (vì hệ thống pháp lý của Trung Quốc chưa hoàn chỉnh).

Trong thương lượng, người Trung Quốc có khuynh hướng WIN-LOSE, thích tìm yếu điểm của đối tác như giá cao, sản phẩm kém chất lượng hơn đối thủ cạnh tranh, công ty của đối

tác cũng nhỏ hơn, chưa có văn phòng đại diện tại Trung Quốc... để buộc đối tác giảm giá. Do vậy, cần phải biết đội giá một cách hợp lý và đưa ra đề nghị giảm giá đúng lúc để người Trung Quốc thoải mái trong chiến thắng. Không nên trả lời cho họ biết ngay về, vì nếu biết họ sẽ kéo dài cuộc thương lượng để chúng ta mất kiên nhẫn, đến ngày cuối cùng họ tấn công và ép buộc đối tác chấp nhận theo điều kiện của họ để họ được thắng, nhằm lấy tiếng, tạo ấn tượng tốt với cấp trên và đồng nghiệp. Trong quá trình thương lượng, nên trình bày ngắn từng vấn đề, nhưng đừng ngại phải lặp lại nhiều lần và biết cách tóm lại. Trong bản ghi nhớ, đừng để doanh nhân Trung Quốc ràng buộc (suốt thời gian sau) về điều khoản "cam kết giúp Trung Quốc phát triển" vì đây cũng là một chiến thuật của người Trung Quốc.

Người Trung Quốc vốn hiếu khách, các chủ doanh nghiệp thường tổ chức ăn uống khá thịnh soạn lắm lúc rất lãng phí. Việc đầu tiên khi gặp đối tác của họ là trao đổi danh thiếp, hỏi thăm tên tuổi, sức khỏe, tình hình gia đình, sau mới bàn đến công việc. Trong giao dịch, lúc đầu họ thường cẩn trọng, nhưng khi đã tin tưởng rồi thì dễ dãi hơn, có thể cung cấp hàng trước, nhận tiền sau.

Người Trung Quốc cũng rất thực tế, trong quá trình thực hiện hợp đồng với đối tác Trung Quốc, doanh nghiệp Việt Nam nên chủ động mời khách hàng sang thăm trụ sở, nhà máy hay dây chuyền sản xuất. Việc này được người Trung Quốc đánh giá là có thành ý hợp tác, tăng cường mối quan hệ lâu dài giữa hai bên.

Một số điểm cần chú ý khác

Thứ nhất là phải biết giữ chữ tín, đây là yếu tố căn bản trong làm ăn, không riêng gì đối với doanh nghiệp Trung Quốc.

Thứ hai là đôi bên cùng có lợi, không thể nói đến làm ăn mà chỉ một bên có lợi, thay vào đó cần phải biết chia sẻ cái lợi với nhau.

Nguyên tắc thứ ba là hợp tác tích cực. Điều này có nghĩa khi xác định được mối quan hệ hợp tác với doanh nghiệp Trung Quốc thì phải tích cực thực hiện hợp tác đó để kết quả nhanh chóng đạt được và đúng như mong muốn của hai bên.

Nguyên tắc thứ tư cần chú ý là cung cấp những sản phẩm chất lượng cao. Mặc dù Trung Quốc không phải là thị trường khó tính nhưng không phải sản phẩm nào cũng có thể chinh phục được người tiêu dùng Trung Quốc. Hơn nữa, thị trường Trung Quốc tập trung rất nhiều loại sản phẩm từ nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có sản phẩm của Trung Quốc vốn cũng đã có sức cạnh tranh mạnh, nên sản phẩm chất lượng cao sẽ dễ làm cho người tiêu dùng chấp nhận.

Nguyên tắc cuối cùng là nên chung thủy với đối tác. Doanh nghiệp chạy theo lợi nhuận và dễ dàng chia tay với đối tác cũ để làm ăn với những đối tác mới có thể có lợi nhuận cao hơn nhưng sẽ làm cho doanh nghiệp Trung Quốc không hài lòng, vì họ luôn đề cao "sự chung thủy". Doanh nghiệp Việt Nam cần hết sức lưu ý tới khả năng hợp tác bền vững và lâu dài trong làm ăn.

V. Đánh giá tiềm năng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc

Trung Quốc là thị trường tiềm năng của mặt hàng nông sản Việt Nam. Theo Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam (VICOFA), với dân số khoảng 1,3 tỷ người và đang có xu hướng chuộng uống cà phê, Trung Quốc hứa hẹn là một thị trường tiềm năng cho cà phê Việt Nam. Các doanh nghiệp Việt Nam đang nhắm vào sở thích cà phê hoà tan của người tiêu dùng Trung Quốc để đẩy mạnh xuất khẩu, với hai thương hiệu chính đã bước đầu thâm nhập thị trường đông dân này là Vinacafe và Trung Nguyên. Trung Quốc, nơi mà tập quán uống trà đã tồn tại phổ biến từ nhiều năm nay, đang có xu hướng coi uống cà phê là cách bày tỏ phong cách mới, nhất là giới trẻ tại các thành phố lớn. Trong bối cảnh đó, giá cả cạnh tranh là một lý do khiến họ lựa chọn cà phê Việt Nam. Trong khi một cốc cà phê được bán tại Thượng Hải, Bắc Kinh với giá tương đương khoảng 120.000 đồng Việt Nam thì một gói cà phê hoà tan Việt Nam được bán buôn chỉ khoảng 2.000-3.000 đồng. Hiện tại, thương hiệu Vinacafe của Việt Nam khá nổi danh tại thị trường các tỉnh Quảng Châu, Nam Ninh của Trung Quốc. Ngoài yếu tố giá, việc kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm bằng máy quang phổ, loại máy vào loại hiện đại nhất khu vực Châu Á, cũng là lý do Vinacafe giành được cảm tình của thị trường Trung Quốc.

Ngoài cà phê thì gạo, sắn lát và các mặt hàng như gia vị và trái cây là những mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc cũng rất tốt đạt giá trị cao về xuất khẩu và cũng là nhu cầu tất yếu của nước láng giềng Trung Quốc. Tuy nhiên, Trung Quốc là một thị trường rất lớn, nhưng các doanh nghiệp có quan hệ thương mại với thị trường Trung Quốc cũng cần phải nghiên cứu rất kỹ về văn hóa kinh doanh và phong tục tập quán kinh doanh của thị trường này để tránh những vấn đề khách quan mà doanh nghiệp không mong muốn.

Về thị trường thủy hải sản, hiện nay, kinh tế Trung Quốc đang rơi vào suy thoái nhưng cũng không ảnh hưởng đến nhu cầu nhập khẩu hải sản từ các nước, nếu có giảm thì giảm cũng không nhiều. Theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng Cục Hải quan tính đến hết tháng 7 năm 2015, Trung Quốc đã nhập khẩu thủy hải sản Việt Nam đạt giá trị hơn 230 triệu USD. Giá trị này đối với thị trường hơn 1,3 tỷ dân chưa phải là lớn, nhưng tiềm năng nhập khẩu thủy hải sản của Trung Quốc vẫn rất cao.

Địa chỉ hữu ích

Đại sứ quán Việt Nam tại Trung Quốc

Địa chỉ: No 32 Guanghua Rd, Chaoyang Dist, Beijing, PC:100600

Điện thoại: +86-10-65321155

Fax: +86-10-65325720

Email: suquanbk@yahoo.com

Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Việt Nam tại Trung Quốc: Đại sứ Nguyễn Văn Thọ

Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Côn Minh (Trung Quốc):

Địa chỉ: Room 507, Hong Ta Mansion, No 155, Beijing Road, Kunming, China

Điện thoại: 86-871-3522669; +868713515889

Fax: 86-871-3516667

Email: tlsxcm@yahoo.com

Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Hồng Kông và Ma Cao (Trung Quốc)

Địa chỉ: 15/F., Great Smart Tower, 230 Wan Chai Road, Wan Chai, Hong Kong

Điện thoại: +852-2591-4510; 2591-4517; 2835-9358; 2835-9398

Fax: +852-2591-4524

Email: tlsxhk@mofa.gov.vn

Website: <http://www.vietnamconsulate-hongkong.org>

Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Nam Ninh (Trung Quốc)

Địa chỉ: 27th floor Yahang Wealth Center, No55, Jinhu Road, Nanning, China

Điện thoại: +86-771-5510560

Fax: +86-771-5534738

Email: tlsxvn.@rediffmail.com hoặc consul.namninh@mofa.gov.vn

Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Quảng Châu (Trung Quốc)

Địa chỉ: 2F, B Building, Hotel Landmark Canton, Haizhu Square, Guangzhou, 510115

Điện thoại: 83305911, 83305910

Fax: 83305915

Email: tlsx.quangchau@mofa.gov.vn

Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Thượng Hải (Trung Quốc)

Địa chỉ: 3F, Huachen financial mansion. No 900, Pudong Ave, Shanghai. Postcode: 200135

Điện thoại: +86-21-68555871 / 68555872/13472652588

Fax: +86-21-68555873

Email: tlsxvn.th@mofa.gov.vn

Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc (Trung Quốc)

Địa chỉ: 2-3Fl., No-65 Sung Chiang Rd., Taipei, Taiwan

Điện thoại: 886-2-25266626/988193929

Fax: 886-2-236 2704

Email: vietnamembassy@rogers.com

Thương vụ Việt Nam tại Trung Quốc

Địa chỉ: 32 Guanghua Rd., Chaoyang Dist., Beijing, P.R. China. P.C: 100600

Điện thoại: (0086.10) 65329915

Fax: (0086.10) 65325415

Email: cn@moit.gov.vn

Tham tán thương mại: Bùi Huy Hoàng

Chi nhánh Côn Minh của Thương vụ VN tại Trung Quốc

Địa chỉ: Tai long hong rui Hotel, 279 Chuncheng Road, Kunming, Yunnan, China

Điện thoại: (868)713-512621

Fax: (86)871-63519119

Email: conminh@moit.gov.vn

Trưởng chi nhánh: Vũ Tiến Hùng

Chi nhánh Quảng Châu của Thương Vụ Việt Nam tại Trung Quốc

Địa chỉ: Room 1305, 13th Floor Guangzhou Peace World Plaza No. 362 – 366
HuanshiDong Road

Điện thoại: (862)083-744984 ; (86) 137 6334 3693

Fax: (86 – 20) 8374 0461

Email: quangchau@moit.gov.vn; thuongvuqc@yahoo.com.cn

Trưởng chi nhánh: Dương Văn Cơ

Chi nhánh Nam Ninh của Thương vụ VN tại Trung Quốc

Địa chỉ: Room 1919, Building 2nd, Minzu Avenue, Hang Yang International Center, No.
131 Minzu Avenue, Nanning City, China

Điện thoại: (867)715-534752

Fax: (867)715-534751

Email: namninh@moit.gov.vn

Tài liệu tham khảo

Bộ Ngoại giao Trung Quốc - www.fmprc.gov.cn

Ủy Ban Thương mại và Kinh tế nhà nước (State Economic and Trade Commission) - www.setc.gov.cn

Bộ Tài Chính - www.mof.gov.cn

Bộ Ngoại thương và Hợp tác Kinh tế - www.moftec.gov.cn

Cục Quản lý Nhà nước về Nội thương (State Administration of Internal Trade) - www.cmic.cn.net

Cục Quản lý Nhà nước về Kiểm tra Kiểm dịch Hàng hóa Xuất nhập khẩu (State Administration for Entry-Exit Inspection and Quarantine) - www.ciq.gov.cn

Tổng Cục Hải quan Trung Quốc (General Administration of Customs) - www.customs.gov.cn

Tổng Cục Thống kê Nhà nước (State Statistics Bureau) - www.stats.gov.cn

Tổng Cục Thuế quan (State Bureau of Taxation) - www.chinatax.gov.cn

Ban Quản lý Công nghiệp và Thương mại Nhà nước (State Administration for Industry and Commerce) - www.saic.gov.cn

Cục Quản lý Chất lượng và Kiểm tra Kỹ thuật Nhà nước (State Bureau of Quality and Technical Supervision) - www.cqi.gov.cn

Cục Sở hữu Trí tuệ Nhà nước (State Intellectual Property Office) - www.cpo.cn.net
Văn phòng Đặc khu Kinh tế của Hội đồng Nhà nước - www.sezo.gov.cn



Mọi thông tin xin liên hệ:

Cục Xúc tiến thương mại

Phòng Nghiên cứu Phát triển thị trường

Địa chỉ: 20 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: 84.4.4.3934 7628, số máy lẻ 174; 193

Fax: 84.4.3934 8142

Email: nctt@vietrade.gov.vn

Website: <http://www.vietrade.gov.vn>